

## **BÁO CÁO**

### **Thường niên năm 2021**

- Kính gửi:**
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
  - Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM
  - Quý cổ đông Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn

#### **I. THÔNG TIN CHUNG**

##### **1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303476454 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 27/08/2004 cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 06/08/2020.
- Vốn điều lệ: **645.221.040.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **645.221.040.000 đồng**
- Địa chỉ: Tầng 5, 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM
- Điện thoại: (84.28) 62918483
- Số fax: (84.28) 62918489
- Website: [www.saigonwater.com.vn](http://www.saigonwater.com.vn)
- Mã cổ phiếu: **SII**

##### **2. Quá trình hình thành và phát triển**

- Tiền thân với tên gọi là CTCP Xây dựng Việt Thành – số ĐKKD là 4103002620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp vào ngày 27 tháng 08 năm 2004, có trụ sở tại 115/7P Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp; vốn điều lệ ban đầu là 550 triệu đồng và hoạt động trong lĩnh vực mua bán vật liệu xây dựng, phụ tùng; dịch vụ cho thuê thiết bị và xây dựng các công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, công nghiệp...
- Ngày 27/10/2004, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 3 tỷ đồng và bổ sung thêm ngành nghề dịch vụ tư vấn về quản lý và giám sát thi công công trình.
- Ngày 09/01/2006, bổ sung thêm ngành kinh doanh: Tư vấn đầu tư, xây dựng; thiết kế

công trình giao thông; thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; thẩm tra thiết kế, dự toán công trình; lập dự toán, tổng dự toán công trình; thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng.

- Ngày 25/06/2009, Công ty chuyển trụ sở về 211/4 Lê Văn Thọ, Phường 9, Q. Gò Vấp.
- Tháng 5/2010, đổi tên thành CTCP Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn (SII JSC) với số vốn điều lệ đăng ký là 400 tỷ đồng, đồng thời chuyển trụ sở về số 50 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1.
- Tháng 5/2011, Công ty quyết định xây dựng chiến lược và lựa chọn lĩnh vực kinh doanh chính “Ngành Hạ Tầng Môi Trường”.
- Ngày 22/08/2012, cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán là SII.
- Tháng 2/2013, thay đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (Saigon Water) để phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty.
- Tháng 8/2013, Saigon Water ký hợp đồng đầu tư với đối tác chiến lược là Manila Water, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thành công từ 400 tỷ đồng, lên 583.7 tỷ đồng.
- Tháng 01/2017, Công ty chuyển trụ sở về 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11.
- Tháng 06/2017, Công ty phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thành công từ 583,7 tỷ đồng lên 645,16 tỷ đồng.
- Tháng 08/2020, Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng, tăng vốn điều lệ lên 645.221.040.000 đồng.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

#### **Ngành nghề kinh doanh**

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển – đo lường);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; giám sát thi công công trình);
- Xây dựng công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, xử lý nước thải, cấp thoát nước sinh hoạt, điện chiếu sáng và trạm biến áp;
- Dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính).

#### **Địa bàn kinh doanh**

- Đối với hoạt động đầu tư hạ tầng nước, hiện Công ty vẫn đang tập trung đầu tư ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành khác như Lâm Đồng, Gia Lai.

- Đối với hoạt động dịch vụ kỹ thuật môi trường, địa bàn kinh doanh của Công ty tập trung ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Gia Lai và các tỉnh thành ở Miền Nam.

#### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

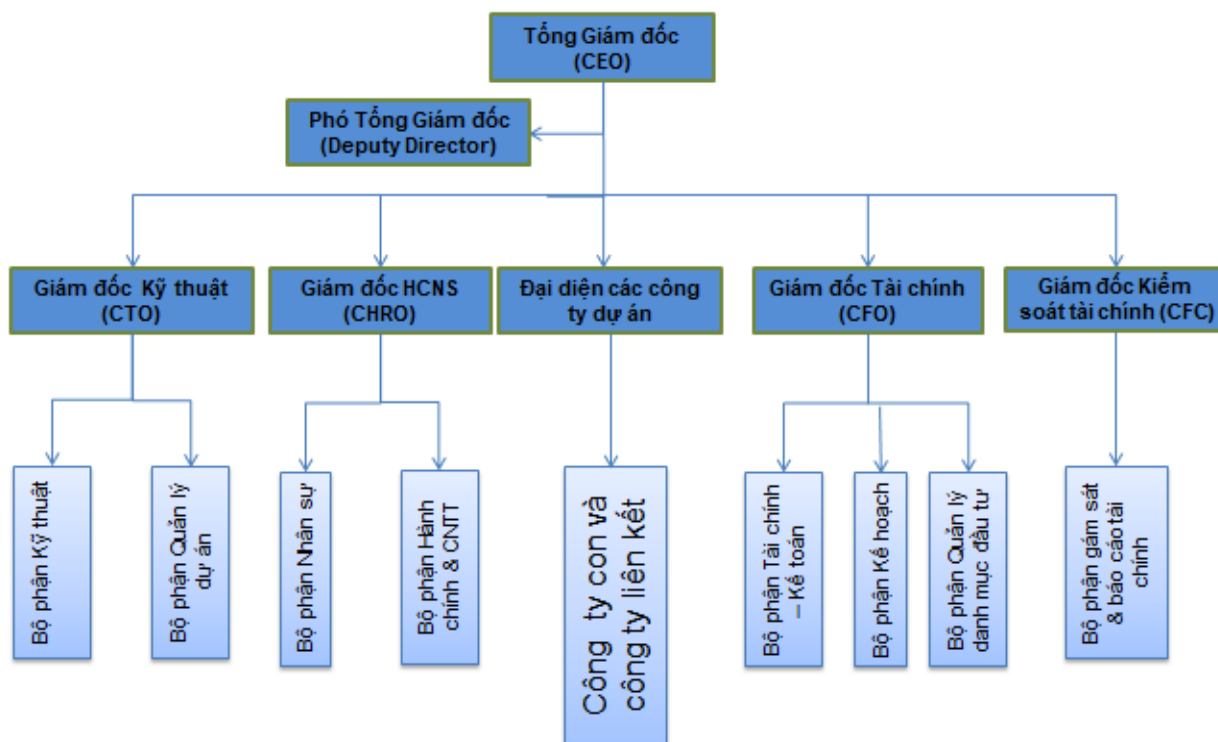
##### 📌 Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của Saigon Water được thực hiện theo Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021. Theo đó, trong các văn kiện vừa nêu có qui định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý của Công ty.

##### 📌 Cơ cấu bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý công ty được xây dựng dựa trên chức năng, nhiệm vụ các bộ phận đảm bảo liên kết chặt chẽ, vận hành linh hoạt và phù hợp với lĩnh vực hoạt động của công ty. Sơ đồ bộ máy tổ chức hoạt động của công ty như sau:

### CƠ CẤU TỔ CHỨC BAN ĐIỀU HÀNH



##### 📌 Các công ty con, công ty liên kết

Tại ngày 31/12/2021 công ty có sáu (06) công ty con và hai (02) công ty liên kết, thông tin về các công ty con, công ty liên kết như sau:

#### Thông tin về công ty con

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Thành phố Hồ Chí Minh	85%	85%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Tỉnh Gia Lai	55%	55%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
3	Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi	Thành phố Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
4	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đan Kia	Tỉnh Lâm Đồng	90%	90%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
5	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	51%	51%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
6	Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn kỹ thuật

#### Các công ty liên doanh, liên kết

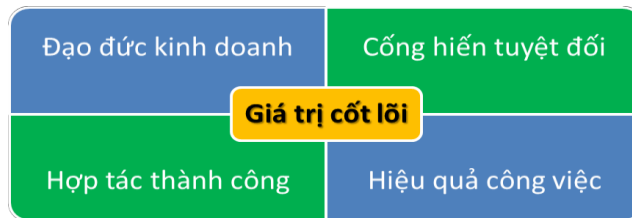
STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Thành phố Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
2	Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	49%	49%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch

## 5. Định hướng phát triển

### Tầm nhìn

“Saigon Water sẽ sớm trở thành biểu tượng số 01 của nhà phát triển hạ tầng trong ngành công nghiệp nước sạch và nước thải tại Việt Nam, việc cung cấp các giải pháp hiệu quả để mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng là nền tảng của chúng tôi để tạo ra lợi nhuận bền vững cho Saigon Water”.





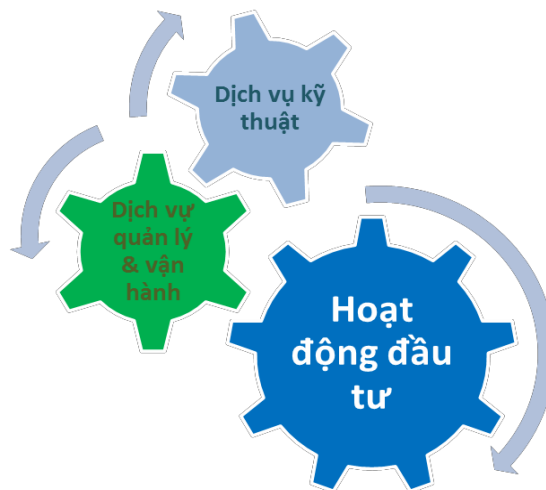
#### **Sứ mệnh**

“Cống hiến cho cộng đồng ngành nước với giải pháp tổng thể và góp phần tạo dựng giá trị bền vững của Công ty”.

#### **Định hướng chiến lược phát triển**

Tập trung vào 3 mảng kinh doanh cốt lõi:

- + Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước
- + Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước
- + Phát triển dịch vụ vận hành, bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước



#### **❖ Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước (Investment)**

- Xây dựng và phát triển các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty đã xác định (tạo nguồn hàng)
- Tái cấu trúc các dự án đầu tư hiện hữu để chuẩn hóa lĩnh vực đầu tư tài chính
- Thoát vốn đầu tư cho các đối tác đầu tư chuyên ngành để tái đầu tư vào các dự án mới, vẫn duy trì một tỷ lệ sở hữu thích hợp để đảm bảo hiệu quả cho các nhà đầu tư bằng dịch vụ O&M.

#### **❖ Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước**

- Cùng đối tác chiến lược thúc đẩy sự hiện diện và tạo ảnh hưởng công nghệ đối với thị trường bằng giải pháp công nghệ và thiết bị chất lượng cao.

### ❖ Dịch vụ vận hành bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước

- Khai thác dịch vụ từ các dự án do Công ty và các đối tác đầu tư.
- Từng bước mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ cho các khách hàng mới.

### ✚ Các mục tiêu đối với môi trường, cộng đồng và xã hội.

Vấn đề ô nhiễm môi trường và mất cân bằng sinh thái đang là một vấn đề nóng bỏng và ngày càng trở nên trầm trọng. Việt Nam cũng đang phải đối mặt với các vấn đề nghiêm trọng này. Hơn nữa, Việt Nam phải cam kết thực hiện ngày càng nhiều hơn các quy định quốc tế về bảo vệ môi trường, đảm bảo quá trình phát triển bền vững. Cụ thể, trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, theo thông tin từ Cục hạ tầng Bộ Xây dựng, cư dân đô thị được cung cấp nước qua hệ thống cấp nước tập trung đạt khoảng 92%; tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch đã giảm nhưng vẫn ở mức 17,5%. Đây cũng là một yếu tố làm cho chất lượng các dịch vụ cấp nước hiện có chưa cao, hiệu quả thấp. Ngoài ra, theo thông tin công bố vào tháng 3/2022 từ Bộ Tài nguyên và Môi trường, thì “trung bình mỗi năm, trên địa bàn cả nước thải ra môi trường hơn 3.650 triệu mét khối nước thải sinh hoạt”; trong khi đó, “cả nước hiện mới xây dựng được 49 nhà máy xử lý nước thải đô thị tập trung với tổng công suất thiết kế 1.181.380 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Hệ thống thoát nước trên toàn quốc đạt 60% nhưng tổng lượng nước thải được thu gom, xử lý tại các đô thị rất thấp, chỉ đạt khoảng 15%, trong đó, tỷ lệ đô thị loại IV trở lên có hệ thống xử lý nước thải tập trung mới đạt khoảng 21,35%”. Điều này cho thấy, chưa đầy 10% sản lượng nước thải hàng ngày được xử lý. Cho nên, nhu cầu xử lý nước thải cũng là một nhu cầu to lớn trong 20 năm tới.

Với khả năng và thế mạnh của mình, cũng như cơ hội của thị trường, Công ty có khả năng cung cấp các giải pháp tổng thể cho ngành (đầu tư, dịch vụ kỹ thuật, vận hành) và sẽ có được những “Giải pháp hiệu quả để mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng là nền tảng tạo nên lợi nhuận bền vững của doanh nghiệp”. Qua đó, “Cống hiến cho cộng đồng những công trình hạ tầng nước thông qua giải pháp tổng thể và mang lại cho doanh nghiệp các giá trị bền vững”.

## 6. Các rủi ro

### ✚ Rủi ro đầu tư

Hiện nay hầu hết các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp có dự án thực hiện tại Việt Nam cho nên phải chịu sự điều chỉnh bởi những điều kiện kinh tế, chính trị, luật pháp của Việt Nam. Do ngành hạ tầng nước là ngành có tính địa phương cao, rủi ro về cơ chế chính sách cũng khác nhau ở từng địa phương. Việc đầu tư vào ngành nước cũng chịu rủi ro đến từ bản chất của ngành: đòi hỏi thời gian thu hồi vốn dài nên có thể cần khả năng quản lý nguồn vốn dài hạn để đầu tư dự án.

Hoạt động đầu tư của công ty có thể tăng trưởng và mở rộng trong nhiều lĩnh vực khác nhau đặc biệt là danh mục đầu tư thuộc lĩnh vực hạ tầng nước và các dịch vụ đô thị, môi trường và xã hội. Đây là xu hướng đầu tư chính của công ty theo đúng định hướng của Việt Nam hiện nay là sử dụng nguồn lực trong dân chúng để chia sẻ những khó khăn về tài chính của Chính phủ.

Định hướng phát triển của công ty là linh hoạt trong từng thời điểm phù hợp với những thay đổi về nền kinh tế, chính trị và những quy định hiện hành tại Việt Nam. Những chính sách kinh tế của Việt Nam có thể thay đổi, vì vậy việc lựa chọn đầu tư vào những dự án có tính an toàn cao luôn được ưu tiên hàng đầu đối với Công ty, đây cũng là ưu tiên hàng đầu đối với Công ty cho sự phát triển kinh doanh và triển vọng của Công ty trong tương lai.

#### **🚩 Rủi ro liên quan đến các chính sách tín dụng và lãi suất**

Ngoài khoản đầu tư bằng vốn góp của các cổ đông, Công ty cũng sử dụng nguồn tài trợ từ các tổ chức tín dụng. Trong thời kỳ kinh tế biến động như hiện nay thì việc kiểm soát nền kinh tế đi đúng định hướng phát triển đất nước và để đảm bảo hạn chế thấp nhất những tác động xấu từ sự vỡ nợ mất thanh khoản của các tổ chức tín dụng thì ngân hàng nhà nước đã đưa ra các quy định nhằm kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của tổ chức tín dụng một cách hợp lý. Lãi suất huy động trong năm tương đối ổn định. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-6,5%/năm đối với ngắn hạn, 8%-9%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%- 9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất ổn định và chính sách tín dụng mang tính hỗ trợ cho sự phát triển của kinh tế tư nhân đã tạo điều kiện cho triển khai chiến lược tài chính của Công ty.

#### **🚩 Rủi ro khác**

Các rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, và nhất là đại dịch Covid-19 trong 2 năm qua v.v... là những rủi ro bất khả kháng ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Các rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đặc biệt là đối với các dự án mà Công ty tham gia đầu tư.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Đvt: tỷ đồng

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thực hiện năm 2021</b>	<b>Thực hiện năm 2020</b>	<b>So với 2020</b>	<b>Kế hoạch 2021</b>	<b>So với kế hoạch</b>
<i>Tổng sản lượng</i>	29,30	28,37	103%	31,69	92%
<i>Sản lượng bình quân ngày</i>	80.265	77.724	103%	86.820	92%
<i>Giá bán bình quân</i>	7.063	6.963	101%	7.196	98%
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>307,99</b>	<b>322,61</b>	<b>95%</b>	<b>305,79</b>	<b>101%</b>
Doanh thu nước	206,91	197,53	105%	228,03	91%
Doanh thu dịch vụ ngành nước	6,66	10,71	62%	14,32	47%
Doanh thu tài chính khác	78,83	84,31	94%	49,82	158%
Thu nhập khác	2,84	15,38	18%	0,96	294%

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	So với 2020	Kế hoạch 2021	So với kế hoạch
Doanh thu tiền gửi, lãi cho vay	12,74	14,68	87%	12,66	101%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>397,12</b>	<b>437,58</b>	<b>91%</b>	<b>389,50</b>	<b>102%</b>
Chi phí vận hành trực tiếp	138,12	134,10	103%	138,39	100%
Chi phí bán hàng và quản lý chung	60,76	84,68	72%	47,60	128%
Khấu hao	94,44	96,27	98%	93,93	101%
Lãi vay, chi phí tài chính khác	102,07	117,94	87%	109,07	94%
Chi phí khác	1,74	4,58	38%	0,52	334%
<b>LN từ đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>74,51</b>	<b>57,09</b>	<b>131%</b>	<b>69,37</b>	<b>107%</b>
Điều chỉnh hợp nhất	-56,98	-45,24	126%	-44,54	128%
<b>LN trước thuế</b>	<b>-71,60</b>	<b>-103,12</b>	<b>69%</b>	<b>-58,88</b>	<b>122%</b>
Thuế TNDN	2,43	1,93	126%	2,89	84%
Thuế TNDN hoãn lại	4,15	5,96	70%	-	
<b>LN Sau Thuế</b>	<b>-78,19</b>	<b>-111,02</b>	<b>70%</b>	<b>-61,77</b>	<b>127%</b>
LNST của cổ đông KKS	-4,69	-6,42	73%	-1,91	245%
<b>LNST của công ty mẹ</b>	<b>-73,50</b>	<b>-104,60</b>	<b>70%</b>	<b>-59,86</b>	<b>123%</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cp)</b>	<b>-1.139</b>	<b>-1.621</b>	<b>70%</b>	<b>-928</b>	<b>123%</b>

Trong năm 2021, Công ty đã giảm đáng kể các chi phí quản lý (gần 24 tỷ đồng) và chi phí lãi vay (gần 16 tỷ đồng) giúp tổng chi phí giảm khoảng 40 tỷ đồng, nên dù doanh thu cũng giảm khoảng 14 tỷ đồng do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Công ty chỉ phải chịu lỗ sau thuế 78,2 tỷ đồng, giảm gần 33 tỷ đồng so với mức lỗ 111 tỷ đồng trong năm 2020. Một số yếu tố chủ yếu khác như sau:

- ✓ Doanh thu cung cấp nước tăng 5% (khoảng 9 tỷ đồng) so với năm 2020 khi Công ty tiếp tục nỗ lực thúc đẩy nhu cầu và tăng giá bán; các doanh thu liên quan đến dịch vụ ngành nước (thi công, lắp đặt, bán hàng) và doanh thu khác giảm khoảng 16,5 tỷ do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.
- ✓ Doanh thu tài chính: năm 2021, Công ty không thực hiện thoái vốn như trong năm 2020 (năm 2020 ghi nhận gần 29,7 tỷ đồng từ thoái vốn tại CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ), tuy nhiên nhờ cổ tức nhận được từ BOO Thủ Đức khoảng 9 tỷ đồng, CTCP Cấp thoát nước Gia Lai 2,75 tỷ đồng và Tân Hiệp 67,08 tỷ (bao gồm cổ tức năm 2020 là 30,96 tỷ và tạm ứng cổ tức năm 2021 là 36,12 tỷ đồng), nên doanh thu tài chính chỉ giảm nhẹ khoảng 6% so với năm 2020.
- ✓ Chi phí vận hành tăng nhẹ theo mức tăng của sản lượng ghi thu so với năm 2020, trong khi chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm mạnh so với năm 2020 chủ yếu do giảm các khoản trích lập dự phòng công nợ khó đòi. Cụ thể, năm 2021 chỉ còn trích lập

dự phòng công nợ khó đòi khoảng 23,7 tỷ đồng (chủ yếu là của công ty mẹ SII) trong khi năm 2020 lên đến gần 43,2 tỷ đồng. Chi phí tài chính cũng giảm khoảng 15,9 tỷ, tương đương 13% nguyên nhân do dư nợ vay cũng như lãi suất vay giảm.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### Danh sách Ban điều hành

Danh sách ban điều hành và tỷ lệ cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2021:

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc	0,00%
2	John Walter E. Tendencia	Phó Tổng Giám đốc	0,00%
3	Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Hành chính – Nhân sự	0,00%
4	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	0,00%
5	Châu Ngọc Trọng	Giám đốc Kỹ thuật	0,00%

### *Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:*

#### **Ông Nguyễn Văn Thành - Tổng Giám đốc:**

- Ngày tháng năm sinh: 09/06/1965
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: 818/56B Lê Lợi, Phường 3, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
  - Từ 1990 – 2001: Cán bộ Quản lý xưởng chế biến gỗ, Công ty Sapsimex.
  - Từ 2002 – 2008: Phó Giám đốc Xí nghiệp dịch vụ thu phí, Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM.
  - Từ 2009 – 2010: Giám đốc, Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận.
  - Từ 2011 – Tháng 09/2011: Trưởng ban Quản lý dự án, Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM.
  - Từ Tháng 10/2011- 03/2012: Tổng Giám đốc, Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia.

- Từ Tháng 04/2012- 07/2014: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia.
  - Từ Tháng 08/2014- 03/2018: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Cầu đường CII. (Tên cũ là: Công Ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia.)
  - Từ tháng 04/2018- nay: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (Saigon Water, thành viên của CII).
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
  - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cấp nước Sài Gòn - Đan Kia, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi, Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp, và Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Đầu tư nước SGN.

**Ông John Walter E. Tendencia – Phó Tổng Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh: 23/08/1982
- Nơi sinh: Manila, Philippines
- Quốc tịch: Philippines
- Dân tộc: Không có
- Quê quán: Philippines
- Địa chỉ thường trú: 53-55 Bà Huyện Thanh Quan, phường 6, quận 3, Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kỹ sư Điện
- Quá trình công tác:
  - Từ 2005 - 2006: Quản lý vùng tại Manila Water Company, Inc.;
  - Từ 2007 - 2008: Trưởng phòng Tự động hóa, Chuyên viên phát triển kinh doanh, bổ nhiệm tại công ty Mahindra Water Utilities;
  - Năm 2009 : Trưởng phòng kết hoạch sản xuất tại Manila Water Company;
  - Từ 2009 - 2013: Trưởng Phòng kỹ thuật kiêm Phát triển kinh doanh tại Manila Water Company, Inc.;
  - Từ 2012 - 2013: Trưởng phòng Phân phối tại Manila Water Company;
  - Từ 2013 - 2018: Phó Giám Đốc quản lý vận hành Nhà máy nước Kênh Đông;
  - Từ 02/2018 - 07/2018: Giám đốc Điều hành Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn;
  - Từ 08/2018 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn;

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp nước Sài Gòn - Đan Kia, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro, và Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Đầu tư nước SGN.

**Ông Lê Văn Nam: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Hành chính – Nhân sự**

- Ngày tháng năm sinh: 12/06/1976
- Nơi sinh : Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: T5.A12B.11 Chung cư Masteri Thảo Điền, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
  - Từ 1999 đến 2000: CV tại Viện kiểm sát Nhân dân Thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa;
  - Từ 2001 đến 2003: Trưởng phòng Mua sắm Tổng hợp tại Công ty TNHH thương mại Đức Phương;
  - Từ 2003 đến 2006: Nhân viên, Phó trạm thu phí, Trưởng phòng Hành chính - Kế toán tại Xí nghiệp Dịch vụ Thu phí - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII);
  - Từ 2006 đến nay: Chuyên viên Tư vấn luật và Luật sư Tư vấn tại Vietlaw (đến năm 2010) và tại Văn phòng Luật sư Quang Lê;
  - Từ 2011 đến nay: Trưởng Văn phòng Đại diện tại Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Kỹ thuật TNT, TP.HCM;
  - Từ 2018 đến nay: TV HĐQT tại Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Danameco
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Hành chính – Nhân sự.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê, Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Cấp thoát nước Gia Lai.

**Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng**

- Ngày tháng năm sinh: 07/01/1980

- Nơi sinh : Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Gia Lai
- Địa chỉ thường trú: 451/94 Phạm Thế Hiển, Phường 3, Quận 8, Tp. HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA)
- Quá trình công tác:
  - Từ tháng 6/2003 đến tháng 04/2005: Kế toán Công ty TNHH Giao nhận Altus;
  - Từ tháng 04/2005 đến tháng 04/2006: Kế toán TH Công ty Obayashi Corporation;
  - Từ tháng 04/2006 đến tháng 02/2010: Trưởng phòng kế toán Công ty Quản lý quỹ Việt Nam (VFM);
  - Từ tháng 5/2010 đến tháng 01/2014: Quản lý văn phòng Công ty CP CK Hùng Vương;
  - Từ tháng 05/2014 đến tháng 05/2015: Kế toán trưởng Công ty TNHH QLQ ACE Life
  - Từ tháng 05/2015 đến tháng 04/2016: Cố vấn Tài chính kế toán Công ty Riverorchid PR và ALternaty Real Estate Service;
  - Từ năm 2016 đến nay: Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (Saigon Water)
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Cấp thoát nước Gia Lai, Hội đồng Thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư nước SGN, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đan Kia, Trưởng ban kiểm soát kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro.

**Ông Châu Ngọc Trọng: Giám đốc Kỹ thuật**

- Ngày tháng năm sinh: 24/12/1980
- Nơi sinh: Đắk Lắk
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đắk Lắk
- Địa chỉ thường trú: 84 Chu Văn An, P1, Q6, Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Môi trường



- Quá trình công tác:
  - Từ Tháng 8/2003 – Tháng 1/2005 : Tư vấn giám sát thi công, Chi nhánh Công ty nước và môi trường Việt nam tại Tp. Hồ Chí Minh (Viwase).
  - Từ Tháng 1/2005 – Tháng 11/2009: Thiết kế kỹ thuật, Công ty CP Nước Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn (Thành viên của Viwase).
  - Tháng 11/2009 – Tháng 2/2014: Chỉ huy trưởng công trình, Công ty Manila Water (Manila Water).
  - Tháng 02/2014 – Tháng 07/2018: Giám đốc Dự án kiêm Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn (SII).
  - Từ tháng 08/2018 – Nay: Giám đốc Kỹ Thuật, Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn (Saigon Water)
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Giám đốc Kỹ thuật
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần kỹ thuật Enviro, Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi, Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Cấp thoát nước Gia Lai.

#### Số lượng lao động trong công ty:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2021	Tỷ lệ trên tổng số nhân viên
Số lượng cán bộ nhân viên (người)	122	97% (chưa bao gồm 05 thành viên BGD)
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	12.530.160	
<b>Phân theo trình độ chuyên môn</b>		
- Đại học và trên đại học (người)	39	32%
- Cao đẳng, trung cấp (người)	32	26%
- Khác (người)	51	42%
<b>Phân theo hợp đồng</b>		
- Hợp đồng không xác định thời hạn(người)	106	87%
- Hợp đồng có xác định thời hạn từ 01 đến 03 năm	16	13%

#### Chính sách đối với người lao động Thời gian làm việc:

- Thời gian làm việc của khối văn phòng: 05 ngày/tuần. Buổi sáng: từ 8 giờ đến 12giờ00. Buổi chiều: từ 13giờ00 đến 17giờ00.
- Riêng văn phòng giao dịch Củ Chi, để thực hiện dịch vụ cấp nước 24/24 có lịch làm việc riêng cho từng bộ phận và vẫn đảm bảo tuân thủ số giờ làm việc theo luật lao động quy

định.

- Ngày nghỉ hàng tuần: Chiều thứ bảy và chủ nhật.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: được nghỉ theo công bố của Nhà Nước
- Người lao động được nghỉ phép 12 ngày/năm. Cứ làm việc được ba năm sẽ được thêm 1 ngày phép.
- Người lao động được nghỉ lễ, tết theo quy định của Luật Lao động.

#### **Chính sách tuyển dụng và đào tạo:**

##### Tuyển dụng:

- Công ty chú trọng tuyển dụng những nhân viên phù hợp với yêu cầu của công việc. Công ty khuyến khích việc tuyển dụng nội bộ nhằm tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội phát triển và thăng tiến.
- Bên cạnh đó, Công ty vẫn thực hiện công tác tuyển dụng nhân lực từ bên ngoài. Nhân viên được Công ty tuyển dụng trực tiếp hoặc thông qua các Công ty Tư vấn, Môi giới nhân lực, thi tuyển hoặc sự giới thiệu của nhân viên Công ty, của cơ quan quản lý địa phương.

##### Đào tạo:

- Công ty chú trọng việc các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn, khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ công tác và đạo đức nghề nghiệp.
- Thực hiện thường xuyên công tác đào tạo nội bộ do các giám đốc, trưởng bộ phận chuyên môn phụ trách.

#### **Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:**

##### Chính sách lương:

**Điều 1:** Hình thức trả lương căn cứ ghi trên hợp đồng lao động và được thanh toán làm một lần trong khoản thời gian từ ngày 25 của tháng hiện tại tới ngày 5 của tháng liền kề.

Đơn giá trả lương được căn cứ vào mức lương được ghi trên hợp đồng lao động cá nhân. Người lao động khi lãnh lương phải biết được mọi khoản lương được lãnh của mình.

**Điều 2:** Căn cứ vào Điều 26 của Bộ luật lao động năm 2019, tất cả người lao động làm việc tại Công ty đều phải qua thời gian thử việc và được hưởng 85% lương căn bản theo cấp bậc công việc hoặc theo Bộ luật hiện hành. Sau thời gian thử việc nếu người lao động được chính thức ký hợp đồng tuyển dụng thì sẽ được hưởng 100% lương căn bản theo cấp bậc công việc.

**Điều 3:** Nếu có nhu cầu làm thêm giờ thì người lao động được trả lương làm thêm giờ theo điều 98 Chương VI của Bộ luật lao động năm 2019.

- Vào ngày thường, ít nhất bằng 150%.

- Vào ngày nghỉ hàng tuần, ít nhất bằng 200%.
- Vào ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương, ít nhất bằng 300%.
- Người lao động làm việc vào ban đêm, thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường.
- Người lao động làm việc thêm giờ vào ban đêm thì ngoài việc trả lương theo quy định, người lao động còn được trả thêm 20% tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc ban ngày.

#### Khen thưởng

- Chế độ khen thưởng theo quy định pháp luật lao động, Quy chế lương và Nội quy lao động Công ty,
- Thưởng ít nhất 01 tháng lương (tháng lương thứ 13) cho Người lao động theo mức lương trên HDLD và tùy vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### Các phúc lợi khác:

Được trích từ chi phí của Công ty, Quỹ khen thưởng phúc lợi các khoản chăm lo cho người lao động cụ thể như sau:

- Hằng năm, tổ chức cho người lao động tham quan, nghỉ mát một lần, về chi phí tùy theo tình hình kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động.
- Tiền đồng phục tối đa: 2.000.000 đồng/01 người/ 01 năm, không chi tiền mặt, nếu chi không hết sẽ chuyển vào quỹ cho các năm tiếp theo.
- Các khoản phúc lợi liên quan đến hiếu hỉ, ma chay, ốm đau...theo Thỏa ước lao động tập thể.

### **3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án**

Trong 2021, Công ty đã đạt được nhiều kết quả khả quan trong việc vận hành và quản lý các dự án. Những kết quả này đạt được cũng nhờ phần lớn từ sự nỗ lực của ban điều hành trong quá trình thương thảo để đạt được những cam kết nhất định, không chỉ từ các chính quyền địa phương mà còn từ các tổ chức tài chính và khách hàng mới. Những thành tựu nổi bật trong hoạt động đầu tư, vận hành các dự án của công ty trong năm như sau:

- Tăng sản lượng cấp nước Củ chi, Dankia, Gia lai trong điều kiện khó khăn do đại dịch.
- Đã làm việc với các Khu công nghiệp trên địa bàn Huyện Củ Chi, hiện đang cấp nước được một số Khu công nghiệp như Tây Bắc (Bia Sài Gòn), một phần KCN Tân Phú Trung, KCN Hoà Phú;
- Quản lý chặt chẽ chi phí hoạt động, không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động trong điều

kiện khó khăn về tài chính, giảm thiểu thiệt hại do giãn cách xã hội và hoạt động sản xuất kinh doanh bị ngừng.

- Saigon Water đã đầu tư mua cổ phần của Công ty cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Đan Kia vào năm 2013 với tổng mức đầu tư 105 tỷ đồng; hiện nay công ty này đã không còn nợ vay, tỷ suất lợi nhuận đạt xấp xỉ 20% và dự kiến sẽ tiếp tục hoạt động ổn định và hiệu quả trong tương lai.
- Tại Công ty cổ phần Cấp Nước Gia Lai (Saigon Water hiện sở hữu 51% vốn điều lệ), kể từ năm 2019 đến nay, công ty này đã thoát lỗ; tỷ suất lợi nhuận bình quân 3 năm 2019-2021 khoảng 7,5%; dự kiến tỷ suất lợi nhuận sẽ được nâng cao trong các năm sau khi hoạt động kinh doanh tiếp tục được cải thiện; công ty này không còn khoản nợ đáng kể nào.
- Dự án nhà máy nước Tân Hiệp 2 đã đi vào hoạt động từ 2017 và từ đó đến nay liên tục đạt được thành quả tốt, mang lại nguồn thu lớn cho Công ty với tỷ suất lợi nhuận luôn ở mức cao (38% năm 2021, trung 2019-2021 khoảng 33%). Trong tương lai, khi dự án hoạt động hết công suất và với việc trả dần các khoản nợ vay thì tỷ suất này sẽ được nâng cao hơn nữa.
- Kết quả của các dự án đầu tư này là các bước hiện thực hóa mục tiêu đóng góp cho ngành hạ tầng nước tại Việt Nam và củng cố thêm vị thế của Công ty trên thị trường.

#### 4. Tình hình tài chính

##### 4.1. Tình hình tài chính

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2021	2020	% thay đổi
Tổng giá trị tài sản	2.360,51	2.456,62	-4%
Vốn chủ sở hữu	1.376,22	1.457,43	-6%
Doanh thu thuần	202,68	197,29	3%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(72,70)	(113,52)	-36%
Lợi nhuận khác	1,10	10,40	-89%
Lợi nhuận trước thuế	(71,60)	(103,12)	-31%
Lợi nhuận sau thuế	(78,19)	(111,02)	-30%
LNST của công ty mẹ	(73,50)	(104,60)	-30%

##### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2021	31/12/2020
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,25	0,33
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,21	0,29
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</b>			

+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	41,69%	40,67%
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,71	0,69
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay khoản phải thu ngắn hạn	Lần	4,65	1,57
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	12,95	9,47
- Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,08	0,07
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:</b>			
+ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-38,6%	-56,3%
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-5,7%	-7,6%
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	-3,3%	-4,5%
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-35,9%	-57,5%
+ Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	Đồng	-1.139	-1.621

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành tính đến ngày 31/12/2021: 64.522.104 cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tính đến ngày 31/12/2021: 64.522.104 cổ phiếu phổ thông

### 5.2. Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2021

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ trọng
<b>1</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>148</b>	<b>32.935.607</b>	<b>51,05%</b>
	Cá nhân	137	207.317	0,32%
	Tổ chức	11	32.728.290	50,72%
<b>2</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>19</b>	<b>31.586.497</b>	<b>48,95%</b>
	Cá nhân	13	21.787	0,03%
	Tổ chức	6	31.564.710	48,92%
<b>Tổng cộng</b>		<b>167</b>	<b>64.522.104</b>	<b>100%</b>

### 📌 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	0302483177	12/24/2001	Tầng 12, số 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	32.654.750	50,61%
2	VIAC (No.1) Limited Partnership	CA5360	07/12/2011	24 Raffles Place #22-00 Clifford Center, Singapore (048621)	7.034.700	10,90%

3	Manila Water South Asia Holdings PTE. LTD	201009681K	05/05/2010	1 Scotts Road, #23-13 Shaw Centre, Singapore 228208	24.516.000	38,00%
---	---	------------	------------	---	------------	--------

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

**5.5. Các chứng khoán khác:** Không có

## **6. Báo cáo và đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **6.1. Tác động môi trường**

- Luôn tuân thủ các quy trình và thủ tục lấy nước thô của chính quyền và địa phương cho các nhà máy xử lý nước;
- Hoàn thiện hồ sơ cam kết môi trường khi bắt đầu dự án mới;
- Phối hợp vận hành với các nhà máy nước và đội quản lý mạng cấp nước nhằm kiểm soát và tiết kiệm được lượng điện năng, hóa chất tiêu thụ một cách;
- Xây dựng quy định, cũng như các giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn điện theo chương trình tiết kiệm điện của các sở ban ngành;
- Xây dựng và thực hiện các chính sách về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, phòng chống cháy rừng và phương án quản lý bảo vệ rừng cho các nhà máy tại các tỉnh thành.

### **6.2. Tác động xã hội**

- Với mục tiêu đóng góp cho cộng đồng thông qua sản phẩm và dịch vụ của Công ty, với từng dự án được triển khai, Công ty đều có sự chú trọng đến tác động xã hội trong công tác tuyển dụng, đào tạo, kiến tạo môi trường làm việc và cộng đồng trong khu vực của dự án. Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí công việc luôn có ưu tiên cho lao động tại địa phương nơi dự án hình thành và phát triển. Công ty đặc biệt quan tâm đến các chính sách, chế độ tiền lương cho người lao động, chăm sóc sức khỏe và đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động tương xứng với sự phát triển của công ty.
- Trong năm 2021, Công ty tích cực tham gia thực hiện các chính sách của Chính phủ và chính quyền địa phương trong việc giảm tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 đến đời sống kinh tế - xã hội, như miễn tiền nước cho các trung tâm cách ly, và các đơn vị điều trị bệnh nhân Covid-19; giảm giá nước cho các hộ nghèo.

## **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh**

Trong năm 2021, Saigon Water tiếp tục đặt mục tiêu nâng cao hiệu quả đầu tư thông qua việc tập trung cải thiện hiệu quả hoạt động vận hành của các công ty thành viên, nỗ lực thực hiện nhiều biện pháp để giúp tăng doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh nước sạch, đồng thời phối

hợp, làm việc với các sở ban ngành tại các địa phương để thúc đẩy việc thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan đến cấp nước đem lại nhiều lợi ích cho Công ty. Với định hướng đó, Công ty đã có nhiều hoạt động nhằm đảm bảo thực hiện được các mục tiêu kinh doanh đề ra. Mặc dù vẫn còn nhiều thử thách với nguồn vốn và nhân lực giới hạn, tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao và kịp thời của Hội đồng quản trị, cùng với sự đồng tâm nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân viên, hoạt động kinh doanh năm 2021 của Công ty vẫn có các cột mốc đáng ghi nhận về mặt tăng trưởng và dấu ấn trên thị trường.

#### Những tiến bộ đã đạt được

Công ty đã đạt được những kết quả trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của các dự án. Đây là kết quả của việc tận dụng các nguồn lực và nỗ lực của ban quản trị trong việc quản lý dự án. Những thành quả của Công ty trong năm 2021 bao gồm:

- Tăng sản lượng cấp nước Củ chi, Dankia, Gia lai trong điều kiện khó khăn do đại dịch.
- Đã làm việc với các Khu công nghiệp trên địa bàn Huyện Củ Chi, hiện đang cấp nước được một số Khu công nghiệp như Tây Bắc (Bia Sài Gòn), một phần KCN Tân Phú Trung, KCN Hoà Phú;
- Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch đảm bảo tốt hoạt động cấp nước an toàn cả trong điều kiện thành phố thực hiện giãn cách xã hội.
- Quản lý chặt chẽ chi phí hoạt động, không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động trong điều kiện khó khăn về tài chính, giảm thiểu thiệt hại do giãn cách xã hội và hoạt động sản xuất kinh doanh bị ngừng.
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh, dự toán chi phí, doanh thu, dòng tiền nhằm đảm bảo kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh;

## 2. Tình hình tài chính

#### Tình hình tài sản

Tổng tài sản cuối năm 2021 đạt 2.360.508 triệu đồng, cụ thể như sau:

<b>TÀI SẢN</b> (Đvt: triệu đồng)	<b>Tại ngày</b> <b>31/12/2021</b>	<b>Tại ngày</b> <b>01/01/2021</b>	<b>Thay đổi</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>114.827</b>	<b>130.308</b>	<b>-15.480</b>
1. Tiền và tương đương tiền	41.822	14.020	27.803
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.323	5.000	11.323
3. Các khoản phải thu	16.224	70.913	-54.689
4. Hàng tồn kho	17.571	16.156	1.415
5. Các tài sản ngắn hạn khác	22.887	24.219	-1.332
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>2.245.681</b>	<b>2.326.309</b>	<b>-80.628</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	921	246	675

<b>TÀI SẢN</b> (Đvt: triệu đồng)	<b>Tại ngày</b> <b>31/12/2021</b>	<b>Tại ngày</b> <b>01/01/2021</b>	<b>Thay đổi</b>
2. Tài sản cố định	1.884.784	1.960.542	-75.757
3. Tài sản dở dang dài hạn	422	1.487	-1.066
4. Đầu tư tài chính dài hạn	325.109	319.575	5.533
5. Các tài sản dài hạn khác	34.446	44.459	-10.013
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>2.360.508</b>	<b>2.456.617</b>	<b>-96.109</b>

### **Tình hình nợ phải trả**

Tổng các khoản nợ đến cuối năm 2021 là 948,29 tỷ đồng, giảm khoảng 14,9 tỷ đồng so với cuối năm 2020. Các khoản nợ này đa phần là từ các khoản vay từ ngân hàng để hỗ trợ cho Dự án Củ Chi và một phần từ các khoản nợ ngắn hạn còn phải thanh toán cho các đối tác. Chi tiết các khoản nợ của công ty như sau:

Đvt: triệu đồng

<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>Tại ngày</b> <b>31/12/2021</b>	<b>Tại ngày</b> <b>01/01/2021</b>	<b>Thay đổi</b>
<b>I. NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>462.852</b>	<b>400.343</b>	<b>62.509</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	40.814	37.005	3.809
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	125	179	-54
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.189	1.871	318
4. Phải trả người lao động	1.538	723	814
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17.296	11.730	5.566
6. Phải trả ngắn hạn khác	6.816	915	5.901
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	393.531	346.044	47.487
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	542	1.875	-1.333
<b>II. NỢ DÀI HẠN</b>	<b>521.435</b>	<b>598.844</b>	<b>-77.409</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	501.866	583.170	-81.304
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả	19.568	15.674	3.895
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>984.286</b>	<b>999.186</b>	<b>-14.900</b>

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

- Công ty đã tiến hành thay đổi cơ cấu tổ chức để phù hợp với hoạt động hiện tại nhằm duy trì sự bền vững của Công ty cũng như đạt mục tiêu phát triển trong vòng 5 năm tới..
- Nhìn chung, cơ cấu tổ chức mới phù hợp với nhu cầu hỗ trợ và kết nối trong giai đoạn hiện nay. Các phòng ban, các công ty con trực thuộc và công ty liên kết được tăng cường kênh trao đổi thông tin, thúc đẩy sự phối hợp giữa các phòng ban, các Công ty con, các dự án trong Danh mục Quản lý, hướng đến hoạt động của Công ty ngày một hiệu quả và đồng bộ.



- Công ty cũng theo dõi sát sao các chỉ tiêu hoạt động tài chính và kinh doanh của Công ty thông qua việc lập kế hoạch kinh doanh, chi phí dự án, doanh thu và dòng tiền định kỳ.

#### **4. Kế hoạch hoạt động trong năm 2022**

Năm 2022 dự kiến tiếp tục khó khăn khi doanh thu dù dự kiến sẽ tăng nhưng vẫn chưa đủ bù đắp các chi phí và do đó sẽ tiếp tục chịu lỗ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, Ban Điều hành sẽ tiếp tục nỗ lực để giải quyết những khó khăn về sản xuất cũng như thực hiện các giải pháp tài chính để giúp Công ty cải thiện kết quả kinh doanh trong kỳ, tiến tới thoát lỗ sau thuế. Các mục tiêu và giải pháp chủ yếu như sau:

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các dự án, các Công ty thành viên;
- Giải quyết các nghĩa vụ tài chính thông qua việc khai thác các tài sản hiện có và tìm kiếm các nguồn tài chính;
- Những kế hoạch hành động thiết yếu của Ban điều hành là động lực chính để dẫn dắt công ty đạt lợi nhuận tốt và tăng giá trị thương mại phục vụ lợi ích cho tất cả cổ đông.

#### **✚ Nâng cao hiệu quả hoạt động của các dự án, các Công ty thành viên**

- Tăng số lượng khách hàng khối sản xuất, qua đó tăng sản lượng ghi thu và giá bán bình quân.
- Tiếp tục làm việc với UBND, các sở ban ngành và ban quản lý của các khu công nghiệp trên địa bàn để thúc đẩy việc chuyển từ nước ngầm sang sử dụng nước mặt do Công ty cung cấp. Cùng với đó, Công ty sẽ làm việc với sở ban ngành và các đơn vị cấp nước khác trên địa bàn nhận chuyển giao quyền cung cấp nước cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý.
- Tăng cường các biện pháp giảm thất thoát nước, kiểm soát chi phí hoạt động, tăng sản lượng ghi thu.
- Trình phê duyệt giá nước điều chỉnh.

#### **✚ Giải quyết các nghĩa vụ tài chính thông qua việc khai thác các tài sản hiện có và tìm kiếm các nguồn tài chính**

Với nguồn tài lực hạn chế của Công ty, việc lên kế hoạch và quản lý tài chính là điều tối quan trọng đối với Ban điều hành. Những phương án thiết yếu như sau:

- Đảm bảo đủ nguồn vốn cho các khoản đầu tư, mua sắm tài sản và chi tiêu hoạt động. Những chỉ tiêu vốn này sẽ theo đúng một lộ trình sắp đặt sẵn cho các dự án và các khoản đầu tư đã được lên kế hoạch bởi Ban điều hành.
- Xem xét, tìm kiếm cơ hội thoái vốn tại các công ty và dự án hoạt động thiếu hiệu quả.

#### **✚ Công tác quản lý điều hành**

Đối với hoạt động của các khoản đầu tư hiện tại, Công ty nhắm tới nâng cao kết quả kinh doanh hiện tại kết hợp với việc sử dụng các nguồn vốn một cách hiệu quả hơn. Năm 2022 sẽ mang đến những cơ hội và những thách thức cho các công ty trực thuộc. Vì vậy, Ban điều hành đề xuất các phương án sau:

- Đảm bảo nguồn vốn cho kế hoạch hoạt động và đầu tư của Công ty mẹ và các công ty con, đồng thời rà soát các chiến lược tái cơ cấu vốn và quản lý dòng tiền;
- Đánh giá danh mục đầu tư của Công ty thông qua việc xem xét các khoản đầu tư, tài sản chưa hiệu quả và/hoặc đang mang lại giá trị cao cho Công ty và xác định chiến lược đầu tư hiệu quả nhất;
- Tìm các giải pháp phát triển sức tiêu thụ tại các khu vực dự án.
- Tiếp tục làm việc với UBND Thành phố, các sở ban ngành và ban quản lý của các KCN trên địa bàn để thúc đẩy việc chuyển từ nước ngầm sang sử dụng nước mặt do Công ty cung cấp. Cùng với đó, Công ty sẽ làm việc với UBND TP, Sở Xây dựng, BQL các khu công nghiệp để nhận chuyển giao quyền cung cấp nước cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.
- Tăng cường các giải pháp kỹ thuật để giảm thất thoát nước, giảm tiêu hao điện năng;
- Nắm bắt các tiêu chí phục vụ khách hàng và gia tăng đào tạo chất lượng dịch vụ cho đội ngũ nhân viên trực thuộc;
- Áp dụng CNTT trong quản lý, tăng cường các kênh thu hộ để giảm chi phí hoạt động, nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Phát huy việc theo dõi các chỉ tiêu hoạt động chi tiết để nắm bắt sát sao tình hình hoạt động của Công ty và so sánh với những tiêu chuẩn phục vụ và chỉ tiêu kinh doanh tốt nhất.

#### Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

Dựa trên những dự đoán có căn cứ với các số liệu chi tiết mà Công ty cho là hợp lý về những hoạt động đầu tư, tình hình kinh tế, môi trường kinh doanh cũng như những định hướng chiến lược Công ty đã vạch ra, dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2022 của Công ty như sau:

Chỉ tiêu (Đvt: tỷ đồng)	Thực tế 2021	Kế hoạch 2022	% thay đổi
1. Tổng doanh thu	325,52	362,46	11%
2. Tổng chi phí	397,12	327,30	-18%
3. Lợi nhuận trước thuế	-71,60	35,17	149%
4. Lợi nhuận sau thuế	<b>(78,19)</b>	<b>32,83</b>	<b>142%</b>
5. Lợi nhuận còn lại sau lợi ích cổ đông thiểu số	<b>(73,50)</b>	<b>28,83</b>	<b>139%</b>

#### 5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

#### **✚ Định hướng hoạt động kinh doanh chính của Công ty:**

Phát triển Công ty thành một tổ chức hoạt động kinh doanh chuyên về lĩnh vực Hạ tầng nước bao gồm ba mảng chính:

- Đầu tư phát triển các dự án về cung cấp nước sạch, xử lý nước thải,
- Phát triển dịch vụ vận hành, bảo trì trong lĩnh vực môi trường nước.

#### **Đầu tư phát triển các dự án về cung cấp nước sạch, xử lý nước thải:**

Công ty sẽ tập trung nghiên cứu và phát triển các dự án tốt trong lĩnh vực môi trường bao gồm:

- Nghiên cứu tìm kiếm các dự án trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, xử lý nước thải, rác thải.
- Đầu tư vào các doanh nghiệp hoặc các dự án hoạt động trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, xử lý nước thải.

#### **Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước:**

- Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu, phát triển các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường cho Công ty.

#### **✚ Định hướng phát triển nguồn nhân lực**

- Tăng cường hoạt động tìm kiếm nguồn nhân sự cho các vị trí quản lý cấp cao để đáp ứng cho nhu cầu phát triển của công ty trong những năm tới.
- Có kế hoạch mang tính chủ động đối với lực lượng lao động trực tiếp nhằm đáp ứng và duy trì hoạt động đầu tư tại mọi thời điểm theo yêu cầu.
- Từng bước xây dựng và hoàn thiện các chế độ tiền lương và đãi ngộ đối với người lao động, thực hiện tốt các chế độ bảo hiểm, các chính sách đảm bảo an toàn lao động nhằm thu hút người tài, người có tâm huyết đối với Công ty.

### **6. Báo cáo và đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

#### **6.1. Liên quan đến môi trường**

- Luôn kết hợp thực hiện các nghiên cứu tác động môi trường trong giai đoạn lựa chọn, xây dựng và phát triển dự án;
- Tăng cường công tác kiểm tra chặt chẽ hệ thống tuyến ống và các trang thiết bị cấp nước để kịp thời khắc phục sửa chữa, duy tu các sự cố hư hỏng xảy ra, nhằm hạn chế tình hình thất thoát nước;
- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống máy móc để nâng cao tuổi thọ hoạt động của máy.
- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc lịch trực vận hành, trực xử nước đảm bảo chất lượng đúng quy trình kỹ thuật.
- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp vào sản xuất để vận hành nhà máy tối ưu nhất.

## 6.2. Liên quan đến xã hội

- Cam kết đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng, tăng cường tìm hiểu nhu cầu sử dụng nước sạch tại địa phương nhằm đảm bảo người dân được tiếp cận với nguồn nước chất lượng cao.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng để cập nhật tiêu chuẩn và quy chuẩn an toàn của nguồn nước.
- Tăng cường công tác giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật cho người lao động trong công ty, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc, nêu cao tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân.
- Tiếp tục phát huy các hoạt động chăm sóc cộng đồng trong các năm trước.

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Đánh giá về hoạt động của Công ty

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn với Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn khi đại dịch COVID-19 đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của nhiều khách hàng lớn của Công ty, các doanh nghiệp, trường học phải đóng cửa không hoạt động. Công ty đã phải giảm giá cung cấp sản phẩm dịch vụ của mình tại một số thời điểm nhằm chia sẻ khó khăn với các khách hàng, và để góp phần thực hiện chính sách hỗ trợ giá nước sạch theo chỉ đạo của Chính phủ và theo yêu cầu của chính quyền tại các địa phương.

Bên cạnh ảnh hưởng của đại dịch, một số khó khăn đã tồn tại trước đây, dù đã từng bước được giải quyết, nhưng vẫn còn tiếp tục ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty; cụ thể là vẫn còn nhiều tổ chức, cá nhân sử dụng nước ngầm tại các vùng phục vụ cấp nước của Công ty và công ty con; Công ty đã tăng sản lượng cấp nước vào các khu Công nghiệp, nhưng việc cấp nước vào các khu công nghiệp lớn trên vùng phục vụ cấp nước như Tây Bắc và Đông Nam (Củ Chi), khu Công nghiệp Trà Đa (Gia Lai) vẫn do các đơn vị trước đây thực hiện.

Mặc dù có các khó khăn trên, nhưng nhờ vào các nỗ lực đẩy mạnh doanh thu và kiểm soát chi phí hoạt động, hiệu quả hoạt động của toàn công ty tăng, thể hiện ở việc sản lượng và doanh thu cung cấp nước sạch tăng lần lượt 4% và 5% so với năm 2020. Một số thành quả nổi bật khác mà Công ty đã đạt được trong năm 2021 như sau:

- Các công ty phân phối nước thực hiện cấp nước liên tục 24/7 với chất lượng đảm bảo theo quy chuẩn của bộ Y tế;
- Tiếp tục làm việc với các khu công nghiệp về thỏa thuận hợp tác cấp nước cho các khu công nghiệp, và đã có những kết quả nhất định;
- Làm việc với UBND TP, các sở ngành để đảm bảo quyền cấp cấp nước của SII cho tất cả các đối tượng sử dụng nước trên địa bàn huyện Củ Chi, đảm bảo lợi ích và sự phát triển lâu dài

cho Công ty;

- Tăng cường kiểm soát chi phí hoạt động của các doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản lý, nâng cao thu nhập cho người lao động;
- Rà soát lại bộ máy quản lý điều hành, ban hành các quy chế phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả trong quản lý;
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, nâng cao hiệu quả quản lý;
- Tiêm phòng cho người lao động đầy đủ, kịp thời, đảm bảo an toàn hoạt động kinh doanh, vận hành trong mùa dịch, đồng thời hỗ trợ công cuộc chống dịch của Chính phủ cũng như chia sẻ khó khăn với khách hàng qua việc giảm giá nước sạch.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám Đốc**

Trong năm 2021 Hội đồng quản trị (HDQT) đã thực hiện công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc công ty thông qua việc ban hành kịp thời các nghị quyết và quyết định liên quan đến hoạt động của công ty. Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong điều hành các hoạt động của công ty, chuẩn bị các nội dung báo cáo và trình HDQT xem xét, phê duyệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, quyết định của HDQT đã ban hành. Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên HDQT được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.

Năm 2021 có những khó khăn, thách thức trong việc quản lý danh mục dự án, ổn định hoạt động của các dự án đã đi vào vận hành cũng như cố gắng mở rộng thị phần cấp nước. Trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế nói chung và của Công ty nói riêng, Ban điều hành Công ty đã nỗ lực trong việc triển khai thực hiện kế hoạch được ĐHCĐ thường niên năm 2020 thông qua và đạt được những cột mốc đáng ghi nhận đối với các dự án. HDQT ghi nhận sự nỗ lực của Ban Điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên Công ty trong năm qua.

## **3. Kế hoạch, định hướng của HDQT**

Căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty, trong năm 2022, Hội đồng Quản trị sẽ tập trung thực hiện các hoạt động chủ yếu sau đây:

- Hội đồng quản trị vẫn sẽ linh hoạt và kiên định trong việc cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm phục vụ cho lợi ích của các cổ đông;
- Duy trì và phát triển mối quan hệ với các cơ quan, ban ngành, bao gồm cả lĩnh vực tư nhân và tổ chức chính quyền, nhằm gia tăng kết nối để tăng sản lượng cung cấp của các nhà máy nước và mạng cấp nước hiện hữu, tăng giá bán nước sỉ và lẻ;
- Chỉ đạo công tác huy động vốn đảm bảo việc cung ứng vốn kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời giám sát chặt chẽ khả năng thanh toán của công ty;
- Triển khai thực hiện tốt các mục tiêu đã được đại hội đồng cổ đông thông qua, phấn đấu hoàn

thành các chỉ tiêu kế hoạch SX- KD và đầu tư phát triển năm 2022.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) của công ty gồm 9 thành viên. Cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ CP (đại diện)
1	Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch HĐQT	50,61%
2	Ông Lê Quốc Bình	Thành viên HĐQT	0,0155%
3	Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên HĐQT	0%
4	Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên HĐQT	0%
5	Ông Virgilio Cervantes Rivera, Jr	Thành viên HĐQT	38,00%
6	Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai (không là thành viên từ ngày 27/04/2021)	Thành viên HĐQT	0%
7	Bà Cecilia T. Cruzabra	Thành viên HĐQT	0%
8	Bà Marsha Emelinda Q. Santos	Thành viên HĐQT	0%
9	Ông Trần Thái Tùng	Thành viên HĐQT	0%
10	Ông Nguyễn Xuân Giao	Thành viên HĐQT	0%

#### 1.2. Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2021, các buổi họp của HĐQT được tổ chức định kỳ theo như quy định của Điều lệ công ty. HĐQT đã tổ chức các buổi họp và ban hành 15 Nghị quyết với những nội dung sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2021/SGW/NQ-HĐQT	06/01/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc dùng tài sản của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn làm tài sản đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ liên quan đến dư nợ vay bao gồm gốc, lãi, phí, bồi thường và các khoản phải trả khác (nếu có) của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong “TPBank).</li> <li>- Thông qua việc cam kết vô điều kiện, không hủy ngang của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn liên quan đến Khoản vay.</li> <li>- Phân công, phân quyền, giao nhiệm vụ cho Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài</li> </ul>	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			Gòn – ông Nguyễn Văn Thành, sinh ngày 09/06/1965, CMND số 023724594 cấp ngày 23/12/2013 tại Công An TP. Hồ Chí Minh thực hiện các nhiệm vụ liên quan tới khoản vay.	
2	02/2021/SGW/NQ-HĐQT	17/02/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cử bà Phùng Thị Thắm – hiện là người phụ trách kế toán – tạm thời thay bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh để thực hiện công việc Kế toán trưởng trong thời gian bà Hạnh nghỉ chế độ thai sản.</li> <li>- Bà Phùng Thị Thắm có trách nhiệm thực hiện và hoàn thành các công việc đã được phân công trước đây; thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ của Kế toán trưởng theo quy định pháp luật về kế toán, Điều lệ Công ty, các quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, và theo sự phân công công việc của Tổng Giám đốc.</li> </ul>	100%
3	03/2021/SGW/NQ-HĐQT	17/02/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấm dứt việc bổ nhiệm bà Nguyễn Hồ Hồng Nhung làm Thư ký Hội đồng Quản trị kể từ ngày 01/03/2021. Bổ nhiệm ông Nguyễn Tuấn Minh đảm trách vị trí Thư Ký Hội đồng Quản trị kể từ ngày 01/03/2021 đến hết nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị.</li> <li>- Ông Nguyễn Tuấn Minh có trách nhiệm thực hiện và hoàn thành các công việc đã được phân công trước đây; thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng Quản trị theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, và theo sự phân công công việc của Hội đồng quản trị.</li> </ul>	100%
4	04/2021/SGW-HĐQT-NQ	16/03/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020; thời gian chốt danh sách cổ đông vào ngày 05 tháng 04 năm 2021.</li> <li>- Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký các văn bản liên quan đến việc chốt danh sách cổ đông, các văn bản liên quan đến triệu tập họp, tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên.</li> </ul>	88,89%
5	05/2021/SGW-HĐQT-NQ	24/03/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 theo Báo cáo ngày 24/03/2021 của Ban Điều hành</li> <li>- Thông qua những nội dung trình và xin ý kiến Đại hội cổ đông thường niên 2020 của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Báo cáo năm 2020 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021;</li> </ul> </li> </ul>	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tờ trình số 12/2021/TT-SGW ngày 22/03/2021 về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2020;</li> <li>+ Tờ trình số 13/2021/TT-SGW ngày 22/03/2021 về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2021;</li> <li>+ Tờ trình số 14/2021/TT-SGW ngày 22/03/2021 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2021;</li> <li>+ Tờ trình số 17/2021/TT-SGW ngày 22/03/2021 về việc đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020 và đề nghị phê duyệt Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính;</li> <li>+ Bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị mới nhiệm kỳ 2021-2026.</li> <li>- Phê duyệt việc hỗ trợ tài chính cho Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Pleiku số tiền 5.000.000.000 đồng vào ngày 25 tháng 03 năm 2021.</li> <li>- Phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển, cải thiện hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Củ Chi năm 2021 với các nội dung theo Tờ trình số 16/2021/SGW ngày 22/03/2021 của Ban Điều hành.</li> <li>- Thống nhất thời gian tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 27 tháng 04 năm 2021; ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị thông báo về địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.</li> </ul>	
6	06/2021/SGW-HĐQT-NQ	05/04/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấp thuận cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“CII”) sử dụng một số tài sản của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (“Công Ty” hoặc “SII”) để bảo đảm cho Trái Phiếu CIIB2124001 do CII phát hành, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>• 10.320.000 (mười triệu ba trăm hai mươi ngàn) cổ phần tại Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nước Tân Hiệp; và</li> <li>• 9.180.000 (chín triệu một trăm tám mươi ngàn) cổ phần tại Công Ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Gia Lai.</li> </ul> </li> <li>- Giao cho Tổng Giám đốc Công Ty thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn thành việc thế chấp và</li> </ul>	88,89%



Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>đăng ký giao dịch bảo đảm cho các tài sản của Công Ty như được nêu tại Điều 1 của Nghị quyết này, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc ký kết các văn bản, thoả thuận, hợp đồng với CII, Tổ chức tín dụng, Tổ chức quản lý tài sản bảo đảm của Trái Phiếu CIIB2124001 và các tổ chức khác có liên quan.</p> <p>- Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công Ty được thay mặt Hội đồng quản trị để thông qua các hợp đồng, văn bản, thoả thuận do Tổng Giám đốc ký theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này.</p>	
7	07/2021/ SGW- HDQT- NQ	26/04/2021	<p>- Thông qua việc giảm các ngành, nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn, và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc giảm các ngành, nghề như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nuôi trồng thủy sản nội địa. Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản nước lợ-nước ngọt và sản xuất giống thủy sản (không hoạt động tại trụ sở) – mã ngành 0322.</li> <li>+ Sản xuất thiết bị điện khác (không sản xuất tại trụ sở) – mã ngành 2790.</li> </ul> <p>- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản – mã ngành 6810.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp – mã ngành 3320.</li> <li>+ Sản xuất sản phẩm từ plastic (không sản xuất tại trụ sở) (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b) – mã ngành 2220.</li> <li>+ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại – mã ngành 2592.</li> </ul> <p>- Thông qua việc bổ sung nội dung tại Điều 1 của Nghị quyết này vào chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	100%
8	08/2021/ SGW- HDQT- NQ	27/04/2021	Bầu ông Lê Vũ Hoàng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị	100%
9	09/2021/ SGW- HDQT- NQ	14/05/2021	- Chấp thuận cho Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn thanh toán trước hạn khoản nợ vay trái phiếu phát hành cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với các điều khoản sau:	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<ul style="list-style-type: none"> <li>• Số trái phiếu mua lại: 21,25 Trái phiếu</li> <li>• Giá mua lại mỗi trái phiếu bằng tổng mệnh giá (1 tỷ đồng/trái phiếu) cộng với các khoản lãi đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán tính đến (nhưng không bao gồm) ngày mua lại trước hạn.</li> <li>• Ngày mua lại dự kiến: trong tháng 05 năm 2021</li> <li>• Nguồn thanh toán: nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn và tiền hỗ trợ từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh</li> </ul> <p>- Giao cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn thành việc thanh toán trước hạn trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.</p> <p>- Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công Ty được thay mặt Hội đồng quản trị để thông qua các hợp đồng, văn bản, thỏa thuận do Tổng Giám đốc ký theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này.</p>	
10	10/2021/ SGW- HDQT- NQ	31/05/2021	<p>- Chấp thuận việc Công Ty sử dụng một số tài sản của Công Ty để bảo đảm cho Trái Phiếu CIIB2124001 do CII phát hành theo nội dung tại Thông Báo 032804, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• 10.320.000 (mười triệu ba trăm hai mươi ngàn) cổ phần tại Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nước Tân Hiệp; và</li> <li>• 9.180.000 (chín triệu một trăm tám mươi ngàn) cổ phần tại Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Gia Lai.</li> </ul> <p>- Giao cho Tổng Giám đốc Công Ty thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn thành việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm cho các tài sản của Công Ty như được nêu tại Điều 1 của Nghị quyết này, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc ký kết các văn bản, thỏa thuận, hợp đồng với CII, tổ chức tín dụng, tổ chức quản lý tài sản bảo đảm của Trái Phiếu CIIB2124001 và các tổ chức khác có liên quan và các văn bản sửa đổi, bổ sung và thay thế của các văn bản, thỏa thuận, hợp đồng đó.</p> <p>- Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công Ty hoặc Tổng Giám Đốc được thay mặt Hội đồng quản trị để thông qua các hợp đồng, văn bản, thỏa thuận ký kết theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này.</p>	100%
11	11/2021/ SGW- HDQT-	15/06/2021	<p>- Thông qua nội dung các hợp đồng, văn bản, thỏa thuận liên quan đến việc sử dụng một số tài sản của Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn để đảm bảo</p>	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
	NQ		<p>cho Trái Phiếu CIIB2124001 do CII phát hành, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hợp đồng thế chấp cổ phần số 01/2021/HDTC-CP/NTH/SII-CII-TCBS giữa Công ty cổ phần Chứng khoán Kỹ thương, Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn và Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;</li> <li>• Biên bản kiểm tra, định giá tài sản đảm bảo số 01/2021/BBDG-NTH/SII-TCBS;</li> <li>• Hợp đồng thế chấp cổ phần số 01/2021/HDTC-CPNY/NGL/SII-CII-TCBS giữa Công ty cổ phần Chứng khoán Kỹ thương, Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn và Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;</li> <li>• Biên bản kiểm tra, định giá tài sản đảm bảo số 01/2021/BBDG-NGL/SII-TCBS;</li> <li>• Mẫu thông báo thế chấp và xác nhận và cam kết của Công ty;</li> <li>• Thông báo thế chấp và xác nhận và cam kết của TCBS;</li> <li>• Thỏa thuận về việc phong tỏa chứng khoán tự nguyện;</li> <li>• Giấy đề nghị phong tỏa chứng khoán tự nguyện;</li> <li>• Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm;</li> <li>• Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng;</li> <li>• Bảng kê chứng khoán đề nghị đăng ký biện pháp bảo đảm;</li> <li>• Văn bản chỉ định người đại diện tại Công ty cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp;</li> <li>• Văn bản ủy quyền của Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn cho Công ty cổ phần Chứng khoán Kỹ thương;</li> <li>• Văn bản ủy quyền của Công ty cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp cho Công ty cổ phần Chứng khoán Kỹ thương;</li> </ul> <p>- Giao cho Tổng Giám đốc đại diện cho Công ty thực hiện ký kết các hợp đồng, văn bản, thoả thuận nêu tại Điều 1 của Quyết định này.</p>	
12	12/2021/SGW-HĐQT-NQ	17/06/2021	<p>- Chỉ định ông Lê Văn Nam – Cử nhân Luật kinh tế, và ông Tendencia Espejon John Walter – Kỹ sư điện là các ứng cử viên đề Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần nước Sài Gòn – An Khê bầu làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần nước Sài Gòn – An Khê nhiệm kỳ 2021 – 2026.</p> <p>- Chỉ định ông Lê Văn Nam – Cử nhân Luật kinh tế là ứng cử viên đề Đại hội đồng cổ đông Công ty</p>	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			cổ phần kỹ thuật Enviro bầu làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kỹ thuật Enviro thay thế cho ông Nguyễn Văn Thành.	
13	13/2021/ SGW- HDQT- NQ	25/06/2021	<p>- Chấp thuận phương án hỗ trợ vốn và xử lý nợ đối với Công ty cổ phần cấp nước Sài Gòn – Pleiku nhằm tái cấu trúc các khoản nợ của Công ty cổ phần cấp nước Sài Gòn – Pleiku như sau:</p> <p>+ Hỗ trợ 9,7 tỷ đồng để Công ty cổ phần cấp nước Sài Gòn – Pleiku thanh toán một phần nợ gốc của khoản vay từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank), bao gồm 05 tỷ đồng đến hạn vào ngày 25/06/2021; và 4,7 tỷ đồng để thanh toán trước hạn một phần nợ gốc còn lại. Thời gian hỗ trợ là trong tháng 06/2021;</p> <p>+ Chuyển tất cả tiền đã hỗ trợ là 79.650.754.782 đồng của Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn cho Công ty cổ phần cấp nước Sài Gòn – Pleiku, thành khoản vốn góp vào Công ty cổ phần cấp nước Sài Gòn – Pleiku với giá mua cổ phần theo phương án phát hành cổ phiếu của Công ty cổ phần cấp nước Sài Gòn – Pleiku, và giá mua cổ phần đó sẽ được trình để Hội đồng quản trị phê duyệt trước khi thực hiện;</p> <p>+ Công ty cổ phần hạ tầng nước Sài Gòn chấp thuận, cùng với Công ty cổ phần đầu tư Hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh, bảo lãnh cho khoản vay của Công ty cổ phần cấp nước Sài Gòn – Pleiku tại Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBank).</p> <p>- Giao cho Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện phương án hỗ trợ vốn và xử lý nợ đối với Công ty cổ phần cấp nước Sài Gòn – Pleiku theo nội dung tại Điều 1 trên.</p>	100%
14	14/2021/ SGW- HDQT- NQ	20/10/2021	<p>1. Tái cấu trúc Bộ phận Kiểm soát Tài chính để chuyển đổi thành Bộ phận kiểm toán nội bộ có hiệu lực từ ngày 20 tháng 10 năm 2021.</p> <p>2. Bộ phận kiểm toán nội bộ có các nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, và phải tuân thủ các quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ, Thông tư số 08/2021/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kiểm toán nội bộ Việt Nam và các Nguyên tắc Đạo đức Nghề nghiệp Kiểm toán nội bộ, Điều lệ và Quy chế Kiểm toán nội bộ của Công ty cũng như các quy định và luật khác có liên quan.</p>	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>3. Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Kiểm soát tài chính đối với ông Alvin S. Evangelista kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2021.</p> <p>4. Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Ngọc Hà, công dân Việt Nam có CMND/CCCD số 025194542 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 03 năm 2010, giữ chức vụ Người phụ trách kiểm toán nội bộ kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2021.</p> <p>5. Bổ nhiệm những người sau đây là Người làm công tác kiểm toán nội bộ thuộc Bộ phận kiểm toán nội bộ kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2021 (những người được bổ nhiệm tiếp tục kiêm nhiệm các công việc hiện tại):</p> <p>i. Ông Đinh Thái Phiên, hiện là Phó Giám đốc Văn phòng Giao dịch Cù Chi;</p> <p>ii. Ông Vũ Văn Tuấn, hiện là Chuyên viên Kỹ thuật.</p>	
15	15/2021/SGW-HĐQT-NQ	20/10/2021	<p>1. Sửa đổi Điều 4 của Thỏa Thuận Quyền Chọn Bán như sau:</p> <p>“4. THỜI HẠN THỰC THI QUYỀN CHỌN BÁN Quyền Chọn Bán có thể được thực thi vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày diễn ra bất kỳ sự kiện nào nêu tại điều 2 cho đến ngày 30 tháng 10 năm 2022. Vì mục đích của điều 4 này, ngày thực thi Quyền Chọn Bán là ngày Nhà Đầu Tư gửi Thông Báo Thực Hiện Quyền cho SGW và không phải là ngày SGW được xem là nhận được Thông Báo Thực Hiện Quyền theo quy định tại điều 14.4.”</p> <p>2. Giao cho Tổng Giám đốc ký kết Thỏa Thuận sửa đổi Thỏa Thuận Quyền Chọn Bán theo nội dung nêu tại Điều 1 trên.</p>	100%

### 1.3. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đều tham dự đầy đủ các cuộc họp và các hoạt động của HĐQT. Các thành viên đều tham gia xem xét, nghiên cứu và đóng góp ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT làm cơ sở để HĐQT ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan.

### 1.4. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không có

### 1.5. Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch HĐQT

2	Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên HĐQT
3	Ông Virgilio Cervantes Rivera Jr.	Thành viên HĐQT

## 2. Ban kiểm soát

### 2.1. Thành viên và cơ cấu

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lawrence G. Velasco (không là thành viên Ban kiểm soát từ ngày 27/04/2021)	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Trưởng Ban kiểm soát
3	Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
4	Bà Võ Hoàng Kiều Oanh	Thành viên

### 2.2. Hoạt động của BKS

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện nhiệm vụ sau:

- ❖ Giám sát việc tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.
- ❖ Phối hợp với Ban Giám Đốc và HĐQT kiểm tra giám sát hoạt động SXKD của công ty.
- ❖ Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính năm, đảm bảo tính trung thực, hợp lý và minh bạch của BCTC. Phân tích đánh giá tình hình tài chính của Công ty.
- ❖ Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, lập kế hoạch cho từng thành viên. Thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đã đề ra và tổng kết lập Báo cáo kiểm tra, giám sát.

## 3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát

### 3.1. Lương, thưởng, thù lao và lợi ích

- Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát: Trong năm 2021 Công ty không trả thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát.
- Ban Điều hành: Lương, thưởng của Ban điều hành trong năm 2021 tổng cộng là 3.878.363.491 đồng.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Tổng cộng
1	Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc	95%	5%	100%
2	Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Hành chính Nhân sự	94%	6%	100%
3	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính	89%	11%	100%

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Tổng cộng
		kiêm Kế toán trưởng			
4	Châu Ngọc Trọng	Giám đốc Kỹ thuật	94%	6%	100%

**4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** không có

**5. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** không có.

**6. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Công ty tuân thủ chấp hành các quy định về quản trị công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế – Chi nhánh Sài Gòn, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh:**

Về Thuyết minh số II trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 348.024.099.942 đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021 phát sinh khoản lỗ với số tiền là 78.187.428.175 đồng (năm 2020 lỗ 111.017.011.750 đồng) và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 36.346.336.530 đồng (năm 2020 âm 52.303.879.593 đồng). Khả năng thanh toán của Công ty trong 12 tháng phụ thuộc vào việc Công ty có thể thu hồi được các khoản công nợ, các khoản lợi nhuận từ đầu tư vốn, thanh lý tài sản. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số II, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

#### **2.1. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

Báo cáo tài chính được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính được đính kèm theo bản công bố thông tin này.

#### **2.2. Địa chỉ công bố và cung cấp báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất:**

**Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn**

477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

Website: [www.saigonwater.com.vn](http://www.saigonwater.com.vn)

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn, kính thông báo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Quý cổ đông và Quý nhà đầu tư được rõ.

Trân trọng.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 04 năm 2022



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN VĂN THÀNH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 48

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Virgilio Cervantes Rivera, Jr	Thành viên
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Giao	Thành viên
Ông Trần Thái Tùng	Thành viên
Bà Cecilia T. Cruzabra	Thành viên
Bà Marsha Emelinda Q. Santos	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)

#### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Bà Võ Hoàng Oanh	Thành viên
Ông Lawrence G. Velasco	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông John Walter E.Tendencia	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính
Ông Châu Ngọc Trọng	Giám đốc Kỹ thuật
Ông Alvin S.Evangelista	Giám đốc Kiểm soát tài chính (miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2021)

#### Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Thành - Tổng Giám đốc Công ty.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Văn Thành**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2022

Số: 1403/2022/BCKT-ICPA.SG

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Quý Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2022, từ trang 5 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 348.024.099.942 đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021 phát sinh khoản lỗ với số tiền là 78.187.428.175 đồng (năm 2020 lỗ 111.017.011.750 đồng) và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 36.346.336.530 đồng (năm 2020 âm 52.303.879.593 đồng). Khả năng thanh toán của Công ty trong 12 tháng tới phụ thuộc vào việc Công ty có thể thu hồi được các khoản công nợ, các khoản lợi nhuận từ đầu tư vốn, thanh lý tài sản. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số II, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Lương Giang Thạch**  
Phó Giám đốc Chi nhánh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2178-2018-072-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ**  
**CHI NHÁNH SÀI GÒN**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2022

**Trần Thị Xuân Tước**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: N.4184-2022-072-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>114.827.490.333</b>	<b>130.307.532.245</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>41.822.459.362</b>	<b>14.019.882.985</b>
1. Tiền	111		41.322.459.362	6.219.882.985
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	7.800.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>16.322.912.605</b>	<b>5.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.11	16.322.912.605	5.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.224.113.071</b>	<b>70.912.870.663</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	49.201.363.292	45.163.365.429
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		150.000.000	754.454.200
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	8.921.764.040	8.099.119.562
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	10.742.270.167	59.814.810.204
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(52.791.284.428)	(43.951.191.403)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	1.032.312.671
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>17.571.012.578</b>	<b>16.155.804.054</b>
1. Hàng tồn kho	141		17.571.012.578	16.155.804.054
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.886.992.717</b>	<b>24.218.974.543</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.048.974.246	954.080.543
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.672.707.383	13.116.258.276
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	10.165.311.088	10.148.635.724





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2021	01/01/2021
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.245.680.854.616</b>	<b>2.326.309.342.457</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>920.993.000</b>	<b>246.400.000</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		915.993.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	5.000.000	246.400.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.884.784.282.208</b>	<b>1.960.541.703.812</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.878.381.709.471	1.953.504.412.208
- Nguyên giá	222		2.608.747.139.982	2.591.763.904.826
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(730.365.430.511)	(638.259.492.618)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	6.402.572.737	7.037.291.604
- Nguyên giá	228		11.460.047.210	11.070.047.210
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.057.474.473)	(4.032.755.606)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>421.546.507</b>	<b>1.487.216.185</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	421.546.507	1.487.216.185
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>325.108.530.141</b>	<b>319.575.285.468</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	181.955.135.141	176.421.890.468
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	143.153.395.000	143.153.395.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>34.445.502.760</b>	<b>44.458.736.992</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	7.725.769.621	11.428.091.068
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	260.190.000
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.13	9.662.042.939	9.691.015.076
4. Lợi thế thương mại	269	V.14	17.057.690.200	23.079.440.848
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.360.508.344.949</b>	<b>2.456.616.874.702</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2021	01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>984.286.362.986</b>	<b>999.186.288.649</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>462.851.590.275</b>	<b>400.342.714.990</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	40.814.289.527	37.005.496.244
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		125.276.626	178.969.304
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.189.183.641	1.870.820.322
4. Phải trả người lao động	314		1.537.651.265	723.359.659
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	17.296.434.040	11.729.961.391
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	6.816.045.260	915.266.800
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	393.531.026.726	346.043.933.995
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		541.683.190	1.874.907.275
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>521.434.772.711</b>	<b>598.843.573.659</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	501.866.454.026	583.169.995.764
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.12	19.568.318.685	15.673.577.895
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.376.221.981.963</b>	<b>1.457.430.586.053</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>1.376.221.981.963</b>	<b>1.457.430.586.053</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		645.221.040.000	645.221.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		645.221.040.000	645.221.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		161.811.551.600	161.811.551.600
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.538.225.108	18.163.049.193
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		84.763.248	84.763.248
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		139.565.878.339	213.630.122.976
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		213.063.607.344	318.225.567.512
- Lỗ sau thuế năm nay	421b		(73.497.729.005)	(104.595.444.536)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		411.000.523.668	418.520.059.036
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>2.360.508.344.949</b>	<b>2.456.616.874.702</b>



Phùng Thị Thắm  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Thành  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2021	2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	202.678.825.727	197.293.217.337
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		202.678.825.727	197.293.217.337
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	218.310.334.596	216.050.430.132
5. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(15.631.508.869)	(18.757.212.795)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	77.884.485.891	77.031.794.156
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	87.076.691.905	96.504.157.155
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		86.293.814.487	95.610.776.740
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.11	5.533.244.673	3.643.916.334
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	14.209.828.413	14.324.070.966
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	39.200.451.611	64.607.420.686
11. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		(72.700.750.234)	(113.517.151.112)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	2.836.020.913	10.537.168.124
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.735.426.266	141.680.536
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.100.594.647	10.395.487.588
15. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(71.600.155.587)	(103.121.663.524)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	2.432.341.798	1.934.714.343
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	4.154.930.790	5.960.633.883
18. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(78.187.428.175)	(111.017.011.750)
19. Lỗ sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		(73.497.729.005)	(104.595.444.536)
20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(4.689.699.170)	(6.421.567.214)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(1.139)	(1.621)



  
 Phùng Thị Thắm  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Văn Thành  
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2022



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2021	2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lỗ trước thuế	01	(71.600.155.587)	(103.121.663.524)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ lợi thế thương mại	02	99.152.407.408	100.457.430.352
Các khoản dự phòng	03	8.840.093.025	29.283.908.816
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(85.350.863.832)	(89.295.807.135)
Chi phí lãi vay	06	87.053.114.487	96.370.076.740
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	38.094.595.501	33.693.945.249
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(65.579.795)	3.910.288.897
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(1.386.236.387)	2.508.192.632
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.561.927.623	(124.008.429)
Giảm chi phí trả trước	12	3.607.427.744	5.804.303.519
Tiền lãi vay đã trả	14	(76.101.083.480)	(94.161.700.942)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.348.987.736)	(1.316.767.657)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.708.400.000)	(2.618.132.862)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(36.346.336.530)</b>	<b>(52.303.879.593)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(14.966.754.531)	(42.904.143.044)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.157.828.182	12.812.417.379
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(16.322.912.605)	(13.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	25.800.373.374	104.100.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	104.702.127.494	67.633.007.336
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>101.370.661.914</b>	<b>128.641.281.671</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT** (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2021	2020
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	103.157.600
2. Tiền thu từ đi vay	33	170.400.000.000	186.300.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(204.975.749.007)	(258.025.234.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.646.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(37.221.749.007)	(71.622.076.400)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	27.802.576.377	4.715.325.678
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	14.019.882.985	9.304.557.307
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	41.822.459.362	14.019.882.985



Phùng Thị Thắm  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2022



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2004 và thay đổi lần thứ 18 ngày 6 tháng 8 năm 2020 về việc thay đổi về vốn điều lệ.

Vốn điều lệ của Công ty là 645.221.040.000 VND, được chia thành 64.522.104 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII") với tỷ lệ sở hữu là 50,61%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Sai Gon Water Infrastructure Corporation, tên viết tắt là: SaiGon Water.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SII.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 122 (tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 129).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty và các công ty con là xử lý và cung cấp nước sạch.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính); hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy móc khác.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là vận hành hệ thống mạng lưới cung cấp nước sạch, đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt, khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào sáu (6) công ty con và hai (2) công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	51,00%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	Tỉnh Lâm Đồng	90,00%	90,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku (i)	Tỉnh Gia Lai	55,00%	55,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Tp. Hồ Chí Minh	85,00%	85,00%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
5. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Vận hành mạng lưới cung cấp nước sạch
6. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn kỹ thuật

**Công ty liên kết**

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Tp. Hồ Chí Minh	43,00%	43,00%	Xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	49,00%	49,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

(i) Ngày 22 tháng 2 năm 2022, Công ty đã thoái vốn một phần trong Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku, tỷ lệ sở hữu giảm từ 55% xuống còn 49%, Công ty Pleiku trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH** (tiếp theo)**Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 348.024.099.942 đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021 phát sinh khoản lỗ với số tiền là 78.187.428.175 đồng (năm 2020 lỗ 111.017.011.750 đồng) và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 36.346.336.530 đồng (năm 2020 âm 52.303.879.593 đồng). Khả năng thanh toán của Công ty trong 12 tháng tới phụ thuộc vào việc Công ty có thể thu hồi được các khoản công nợ, các khoản lợi nhuận từ đầu tư vốn, thanh lý tài sản. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này như sau:

- Đối với dự án Củ Chi: Tăng số lượng khách hàng khối sản xuất nhằm tăng sản lượng nước bán ra và tăng giá bán bình quân. Công ty tiếp tục làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các sở ban ngành, ban quản lý các khu công nghiệp trên địa bàn để thúc đẩy việc sử dụng nước mặt do Công ty cung cấp. Ngoài ra, Công ty sẽ tăng cường các biện pháp giảm thất thoát nước, kiểm soát chi phí hoạt động.
- Công ty Cổ phần nước Sài Gòn Pleiku: Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai đã phê duyệt giá bán sỉ nước sạch năm 2022 tăng thêm 20% so với giá hiện hữu, tiếp tục làm việc với các cơ quan ban ngành nhằm tăng sản lượng cấp nước cho Khu công nghiệp Trà Đa, FLC Dakdoa. Bên cạnh đó, Công ty tăng cường kiểm soát và tiết giảm tối đa chi phí hoạt động. Công ty Pleiku cũng đã thương thảo thành công hợp đồng vay với ngân hàng HD Bank để tái cơ cấu nợ vay tài trợ cho việc xây dựng nhà máy nước, đảm bảo thanh toán đúng hạn khoản nợ vay đến hạn trả.
- Dự kiến thoái vốn toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa nhằm cải thiện khả năng thanh toán, nguồn tiền dôi dư sẽ dùng để thanh toán nợ cho Công ty mẹ CII.
- Trong năm 2022 Công ty dự kiến sẽ nhận được cổ tức bằng tiền từ Công ty nước Tân Hiệp (61,92 tỷ đồng) và Công ty BOO nước Thủ Đức (9 tỷ đồng).
- Công ty tiếp tục tìm kiếm các đối tác để chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty nước An Khê nhằm thu hồi vốn đầu tư, cải thiện khả năng thanh toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và tin tưởng rằng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư cũng như sự tiếp tục hỗ trợ vốn từ Công ty mẹ sẽ giúp Công ty có đủ nguồn tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính, tối đa không quá 10 năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

*Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

**Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8
Vườn cây lâu năm	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn và chương trình phần mềm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao** (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình của Công ty khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Nguyên giá của chương trình phần mềm bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Phần mềm của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định vô hình là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí cải tạo, sửa chữa nhà máy và văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**Trái phiếu phát hành**

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Trái phiếu phát hành** (tiếp theo)

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong năm theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong năm.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp theo từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối và căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

**Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh nước sạch, kinh doanh bán vật tư, tư vấn, thi công, lắp đặt thiết bị, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý bao gồm các tỉnh, thành sau: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Gia Lai, tỉnh Lâm Đồng. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.754.741.056	1.787.070.849
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.567.718.306	4.432.812.136
Các khoản tương đương tiền (i)	500.000.000	7.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>41.822.459.362</b>	<b>14.019.882.985</b>

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng.

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Khách hàng không phải là bên liên quan</b>	<b>44.144.163.292</b>	<b>40.106.165.429</b>
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật và Xây dựng Tuấn Lộc	11.420.670.623	11.420.670.623
Công ty Cổ phần LICOGI 16	11.032.053.290	11.032.053.290
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng	9.818.676.899	7.661.436.732
Khách hàng sử dụng nước sạch ở địa bàn huyện Củ Chi	8.372.148.844	6.717.444.339
Các khách hàng khác	3.500.613.636	3.274.560.445
<b>Khách hàng là bên liên quan</b>	<b>5.057.200.000</b>	<b>5.057.200.000</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	57.200.000	57.200.000
<b>Cộng</b>	<b>49.201.363.292</b>	<b>45.163.365.429</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**3. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	<u>8.921.764.040</u>	<u>8.099.119.562</u>

Khoản hỗ trợ vốn với lãi suất áp dụng trong kỳ là 11%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**4. Phải thu khác**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải thu người lao động	10.046.155.875	10.480.363.000
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	299.048.917	119.397.256
Ký cược, ký quỹ	238.400.000	5.459.000
Các khoản phải thu khác	158.665.375	159.722.191
Phải thu từ chuyển nhượng phần vốn góp hợp tác đầu tư	-	20.700.373.374
Phải thu tiền lãi trả chậm	-	28.349.495.383
<b>Cộng</b>	<u>10.742.270.167</u>	<u>59.814.810.204</u>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	<u>5.000.000</u>	<u>246.400.000</u>
<b>Trong đó, phải thu bên liên quan</b>		
Công ty CII	-	49.049.868.757
<b>Cộng</b>	<u>-</u>	<u>49.049.868.757</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	35.830.524.358	1.913.041.929	(33.917.482.429)	32.648.992.220
Phải thu về cho vay ngắn hạn	8.921.764.039	5.073.768	(8.916.690.271)	4.852.310.630
Phải thu khác	10.002.911.726	45.799.998	(9.957.111.728)	10.456.156.851
<b>Cộng</b>	<b>54.755.200.123</b>	<b>1.963.915.695</b>	<b>(52.791.284.428)</b>	<b>47.957.459.701</b>
				<b>(29.104.348.922)</b>
				<b>(4.852.310.630)</b>
				<b>(9.994.531.851)</b>
				<b>(43.951.191.403)</b>

**Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu khó đòi**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Số dư tại ngày đầu năm	(43.951.191.403)	(14.667.282.587)
Trích lập dự phòng bổ sung	(8.840.093.025)	(29.283.908.816)
<b>Số dư tại ngày cuối năm</b>	<b>(52.791.284.428)</b>	<b>(43.951.191.403)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.133.157.144	-	10.439.938.838	-
Công cụ, dụng cụ	1.391.946.580	-	669.956.362	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.045.908.854	-	5.045.908.854	-
<b>Cộng</b>	<b>17.571.012.578</b>	<b>-</b>	<b>16.155.804.054</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí trả trước**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	457.600.200	452.025.781
Chi phí bảo hiểm	117.833.509	24.305.349
Chi phí trả trước khác	473.540.537	477.749.413
<b>Cộng</b>	<b>1.048.974.246</b>	<b>954.080.543</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí thi công, lắp đặt đường ống, đồng hồ nước	4.256.464.811	9.081.387.936
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.851.895.790	636.634.560
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	962.808.723	528.038.746
Chi phí trả trước dài hạn khác	654.600.297	1.182.029.826
<b>Cộng</b>	<b>7.725.769.621</b>	<b>11.428.091.068</b>
<b>Tổng cộng chi phí trả trước</b>	<b>8.774.743.867</b>	<b>12.382.171.611</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2021	265.298.824.514	198.051.200.380	2.124.280.957.962	3.376.377.970	756.544.000	2.591.763.904.826
Mua trong năm	61.600.000	1.052.951.000	74.482.000	300.000.000	-	1.489.033.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (i)	863.245.649	4.860.996.233	9.769.960.274	-	-	15.494.202.156
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>266.223.670.163</b>	<b>203.965.147.613</b>	<b>2.134.125.400.236</b>	<b>3.676.377.970</b>	<b>756.544.000</b>	<b>2.608.747.139.982</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2021	104.393.025.811	131.317.420.870	400.575.941.396	1.254.998.054	718.106.487	638.259.492.618
Khấu hao trong năm	11.121.560.886	6.740.588.857	73.650.918.940	554.431.697	38.437.513	92.105.937.893
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>115.514.586.697</b>	<b>138.058.009.727</b>	<b>474.226.860.336</b>	<b>1.809.429.751</b>	<b>756.544.000</b>	<b>730.365.430.511</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2021	160.905.798.703	66.733.779.510	1.723.705.016.566	2.121.379.916	38.437.513	1.953.504.412.208
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>150.709.083.466</b>	<b>65.907.137.886</b>	<b>1.659.898.539.900</b>	<b>1.866.948.219</b>	<b>-</b>	<b>1.878.381.709.471</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình** (tiếp theo)

(i) Giá trị đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành kết chuyển vào tài sản cố định hữu hình trong năm bao gồm là của Dự án đầu tư mở rộng, di dời hệ thống cấp nước cho thành phố Pleiku và các vùng lân cận và Đầu tư mở rộng Dự án Củ Chi.

Tài sản cố định hữu hình của Công ty chủ yếu hình thành từ các dự án nước, trong đó bao gồm tài sản hình thành từ Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch tại huyện Củ Chi. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662 tỷ VND, trong đó ngân sách Nhà nước hỗ trợ 600.000.000.000 VND, dự án được thực hiện theo hai giai đoạn với tổng giá trị quyết toán là 1.795.975.020.258 VND, trong đó nguyên giá tài sản hình thành trong giai đoạn 1 là 1.342.147.423.599 VND và giai đoạn 2 là 453.827.596.659 VND.

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 40.474.096.866 VND (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 37.929.010.636 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.19, Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị và một số phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.962.035.547.802 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2021: 2.158.362.114.824 VND).

Ngoài ra, toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia với tổng nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 198.875.021.218 VND đang được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay nợ của Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (công ty mẹ của Công ty) tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2021	2.769.700.000	8.300.347.210	11.070.047.210
Mua trong năm		390.000.000	390.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>2.769.700.000</b>	<b>8.690.347.210</b>	<b>11.460.047.210</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2021	-	4.032.755.606	4.032.755.606
Khấu hao trong năm		1.024.718.867	1.024.718.867
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>-</b>	<b>5.057.474.473</b>	<b>5.057.474.473</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2021	2.769.700.000	4.267.591.604	7.037.291.604
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>2.769.700.000</b>	<b>3.632.872.737</b>	<b>6.402.572.737</b>

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 154.192.120 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2021: 1.867.800.000 VND).

Như đã trình bày tại thuyết minh V.19, Công ty đã sử dụng tài sản cố định vô hình để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá tài sản cố định vô hình đem đi thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là và tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 9.253.046.819 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự án mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước trên địa bàn thành phố Pleiku	133.761.818	-
Dự án đầu tư phát triển, cải tạo mạng lưới cấp nước trên địa bàn huyện Củ Chi	238.905.197	238.905.197
Dự án cải tạo Trạm bơm tăng áp Pleiku	-	1.201.975.909
Các dự án khác	48.879.492	46.335.079
<b>Cộng</b>	<b>421.546.507</b>	<b>1.487.216.185</b>

**11. Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	16.322.912.605	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>16.322.912.605</b>	<b>5.000.000.000</b>

(i) Đây là khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ sáu (6) tháng đến một (1) năm và hưởng lãi suất từ 5% đến 6,05%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**11. Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp (i)	119.659.788.611	62.295.346.530	777.178.560.000	56.762.101.857
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	4.298.086.861	(4.298.086.861)	-	(4.298.086.861)
<b>Cộng</b>	<b>123.957.875.472</b>	<b>57.997.259.669</b>	<b>777.178.560.000</b>	<b>52.464.014.996</b>
<b>Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu</b>			<b>181.955.135.141</b>	<b>176.421.890.468</b>

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp được Công ty định giá theo phương pháp chiết khấu dòng tiền từ cổ tức. Phương pháp và cách thức xác định giá trị hợp lý của Công ty dựa trên việc áp dụng tiệm cận chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế và thông lệ quốc tế về giá trị hợp lý. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, 10.320.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp đang được dùng để làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu CIIB2124001 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tăng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - công ty mẹ của Công ty.

Trong năm, giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết thay đổi như sau:

	2021 VND	2020 VND
Tại thời điểm đầu năm	176.421.890.468	168.479.887.273
Giá trị ghi nhận trong năm	5.533.244.673	7.942.003.195
- <i>Tái cấu trúc từ công ty con thành công ty liên kết</i>	-	4.298.086.861
- <i>Lợi nhuận từ công ty liên kết</i>	72.613.244.673	50.083.916.334
- <i>Cổ tức được chia trong năm</i>	(67.080.000.000)	(46.440.000.000)
Tại thời điểm cuối năm	<b>181.955.135.141</b>	<b>176.421.890.468</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**11. Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần BOO Nước Thử Đức	143.153.395.000	-	(i)	143.153.395.000
				(i)

(i) Giá trị hợp lý của công ty này không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với khoản đầu tư này không có sẵn. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng giá gốc khoản đầu tư là ước tính gần nhất (hoặc đại diện cho) giá trị hợp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**12. Thuế thu nhập hoãn lại**

	Các khoản lãi chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND	Dự phòng đầu tư vào công ty con, công ty liên kết VND	Cộng VND
<b>a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>513.344.102</b>	-	<b>513.344.102</b>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	253.154.102	-	253.154.102
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>260.190.000</b>	-	<b>260.190.000</b>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	260.190.000	-	260.190.000
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	-	-	-
<b>b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	-	<b>9.966.098.114</b>	<b>9.966.098.114</b>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	-	5.707.479.781	5.707.479.781
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	-	<b>15.673.577.895</b>	<b>15.673.577.895</b>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	-	3.894.740.790	3.894.740.790
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	-	<b>19.568.318.685</b>	<b>19.568.318.685</b>
<b>Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất</b>			<b>4.154.930.790</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**13. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	9.662.042.939	-	9.691.015.076	-

**14. Lợi thế thương mại**

	Giá trị ghi sổ VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2021 và ngày 31/12/2021	60.073.074.001
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2021	36.993.633.153
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	6.021.750.648
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>43.015.383.801</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2021	23.079.440.848
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>17.057.690.200</b>

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd.	15.286.822.162	15.286.822.162	17.600.875.957	17.600.875.957
Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Thủy lợi Lâm Đồng	5.016.431.700	5.016.431.700	3.729.706.200	3.729.706.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.136.630.836	3.136.630.836	3.248.277.836	3.248.277.836
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Á Châu	1.689.354.800	1.689.354.800	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật Hoàng Phúc	516.071.700	516.071.700	610.890.805	610.890.805
Các nhà cung cấp khác	6.474.566.438	6.474.566.438	4.259.008.555	4.259.008.555
<b>Cộng</b>	<b>40.814.289.527</b>	<b>40.814.289.527</b>	<b>37.005.496.244</b>	<b>37.005.496.244</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	31/12/2021 VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	305.858.000	-	21.594.000	327.452.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.837.859.088	-	-	9.837.859.088
Thuế thu nhập cá nhân	4.918.636	5.000.000	81.364	-
<b>Cộng</b>	<b>10.148.635.724</b>	<b>5.000.000</b>	<b>21.675.364</b>	<b>10.165.311.088</b>
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	68.319.860	557.802.757	626.122.617	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	721.688.112	2.432.341.798	2.348.987.736	805.042.174
Thuế thu nhập cá nhân	185.675.662	556.215.301	650.012.473	91.878.490
Thuế tài nguyên	67.990.038	833.995.189	835.414.818	66.570.409
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	20.356.363	20.356.363	-
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	273.301.893	1.082.551.000	809.172.090	546.680.803
Thuế bảo vệ môi trường	392.501.764	5.237.950.092	5.113.621.792	516.830.064
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	161.342.993	1.032.330.713	1.031.492.005	162.181.701
<b>Cộng</b>	<b>1.870.820.322</b>	<b>11.753.543.213</b>	<b>11.435.179.894</b>	<b>2.189.183.641</b>

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí lãi vay	15.356.600.347	11.029.429.634
Chi phí đầu nối đồng hồ	932.781.818	-
Các khoản chi phí phải trả khác	1.007.051.875	700.531.757
<b>Cộng</b>	<b>17.296.434.040</b>	<b>11.729.961.391</b>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả chi phí sử dụng vốn	5.865.560.294	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	835.289.000	835.289.000
Kinh phí công đoàn	54.373.200	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	38.800.000	-
Các khoản khác	22.022.766	79.977.800
<b>Cộng</b>	<b>6.816.045.260</b>	<b>915.266.800</b>

**Trong đó, phải trả cho bên liên quan**

Công ty CII	5.865.560.294	-
<b>Cộng</b>	<b>5.865.560.294</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuế tài chính****a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	31/12/2021		Phát sinh trong năm		01/01/2021	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
<b>Vay bên liên quan</b>						
Công ty CII	279.942.562.125	279.942.562.125	170.400.000.000	50.957.437.875	160.500.000.000	160.500.000.000
<b>Vay ngân hàng</b>						
Ngân hàng Phát triển nhà Việt Nam - Trung tâm Kinh doanh	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>						
Các khoản vay dài hạn đến hạn trả ( <i>xem thuyết minh b</i> )	113.588.464.601	113.588.464.601			100.303.234.000	100.303.234.000
Trái phiếu đến hạn ( <i>xem thuyết minh b</i> )	-	-			84.240.699.995	85.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>393.531.026.726</b>	<b>393.531.026.726</b>	<b>170.400.000.000</b>	<b>51.957.437.875</b>	<b>346.043.933.995</b>	<b>346.803.234.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)	31/12/2021		01/01/2021		Giá trị có khả năng thanh toán VND	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND		Nợ gốc VND
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>						
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>501.866.454.026</b>	<b>501.866.454.026</b>	-	<b>68.018.311.137</b>	<b>583.169.995.764</b>	<b>583.169.995.764</b>
Ngân hàng Vietinbank - CN 11	579.237.606.012	579.237.606.012	-	40.180.000.000	619.417.606.012	619.417.606.012
Ngân hàng VP Bank - CN TP.HCM	33.469.230.601	33.469.230.601	-	11.215.077.137	44.684.307.738	44.684.307.738
Ngân hàng Vietinbank - CN Lâm Đồng	-	-	-	15.524.000.000	15.524.000.000	15.524.000.000
Ngân hàng Phát triển Châu Á	2.748.082.014	2.748.082.014	-	1.099.234.000	3.847.316.014	3.847.316.014
Trừ: Các khoản vay dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(113.588.464.601)	(113.588.464.601)	-	(100.303.234.000)	(100.303.234.000)	(100.303.234.000)
<b>Trái phiếu phát hành</b>	-	-	-	<b>85.759.300.000</b>	-	-
Ngân hàng VIB - CN Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	-	85.000.000.000	85.000.000.000	85.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	-	-	-	759.300.000	(759.300.000)	(759.300.000)
Trừ: Nợ gốc trái phiếu phải trả trong vòng 12 tháng tới	-	-	-	(84.240.700.000)	(84.240.700.000)	(85.000.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>501.866.454.026</b>	<b>501.866.454.026</b>	-	<b>153.777.611.137</b>	<b>583.169.995.764</b>	<b>583.169.995.764</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)*Thông tin bổ sung cho các khoản vay*

<b>Bên cho vay</b>	<b>Số dư</b>	<b>Thời hạn vay</b>	<b>Ngày đáo hạn</b>	<b>Lãi suất vay</b>	<b>Mục đích vay</b>	<b>Tài sản đảm bảo</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Công ty CII	279.942.562.125	12 tháng	23/05/2022	Lãi suất trong năm cố định 11,5%/năm	Thanh toán nợ gốc, lãi trái phiếu và bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
<b>Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 11	417.817.939.474	126 tháng	06/04/2026	Thả nổi, lãi suất trong năm là 8,5% và 9,1% theo từng khế ước	Phục vụ cho Dự án Chi	+ Toàn bộ tài sản và quyền tài sản của Dự án cũ Chi. + Quyền tài sản của Công ty phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp đầu tư vào dự án Diamond Riverside ký ngày 26 tháng 8 năm 2013 với Công ty CII. Quyền sử dụng đất tại thôn 3, xã Biển Hồ, thành phố Pleiku; toàn bộ tài sản của dự án nhà máy cấp nước công suất 30.000 m <sup>3</sup> /ngày tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; quyền đòi nợ từ việc bán nước sạch cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai.
Ngân hàng VP Bank - CN TP.HCM	33.469.230.601	96 tháng	30/06/2022	Thả nổi, lãi suất trong năm từ 8,6% đến 8,8%	Thực hiện Dự án nâng đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Pleiku - công suất 30.000 m <sup>3</sup> /ngày	Được bảo lãnh bởi Bộ tài chính, không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng Phát triển Châu Á	2.748.082.014	216 tháng	01/06/2024	0%	Thực hiện Dự án nâng cấp và cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh các thành phố, thị xã thuộc tỉnh Gia Lai	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Lịch thanh toán nợ vay ngân hàng:**

	31/12/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	113.588.464.601	100.303.234.000
Trong năm thứ hai	92.019.234.000	81.303.541.738
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	277.927.553.488	300.998.848.014
Sau năm năm	<u>131.919.666.538</u>	<u>200.867.606.012</u>
<b>Cộng</b>	<b>615.454.918.627</b>	<b>683.473.229.764</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	<u>(113.588.464.601)</u>	<u>(100.303.234.000)</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>501.866.454.026</u></b>	<b><u>583.169.995.764</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>645.160.000.000</b>	<b>162.330.434.000</b>	<b>15.361.371.138</b>	<b>84.763.248</b>	<b>323.943.090.122</b>	<b>429.277.768.610</b>	<b>1.576.157.427.118</b>
Tăng vốn trong năm	61.040.000	(518.882.400)	-	-	-	-	(457.842.400)
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(104.595.444.536)	(6.421.567.214)	(111.017.011.750)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.801.678.055	-	(2.801.678.055)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.778.844.755)	(22.833.300)	(2.801.678.055)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(136.999.800)	(15.222.200)	(152.222.000)
Thoái vốn trong công ty con	-	-	-	-	-	(4.298.086.860)	(4.298.086.860)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>645.221.040.000</b>	<b>161.811.551.600</b>	<b>18.163.049.193</b>	<b>84.763.248</b>	<b>213.630.122.976</b>	<b>418.520.059.036</b>	<b>1.457.430.586.053</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>645.221.040.000</b>	<b>161.811.551.600</b>	<b>18.163.049.193</b>	<b>84.763.248</b>	<b>213.630.122.976</b>	<b>418.520.059.036</b>	<b>1.457.430.586.053</b>
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(73.497.729.005)	(4.689.699.170)	(78.187.428.175)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(2.646.000.000)	(2.646.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	375.175.915	-	(375.175.915)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(191.339.717)	(183.836.198)	(375.175.915)
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>645.221.040.000</b>	<b>161.811.551.600</b>	<b>18.538.225.108</b>	<b>84.763.248</b>	<b>139.565.878.339</b>	<b>411.000.523.668</b>	<b>1.376.221.981.963</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	64.522.104	64.522.104
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	64.522.104	64.522.104
+ Cổ phiếu phổ thông	64.522.104	64.522.104
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	64.522.104	64.522.104
+ Cổ phiếu phổ thông	64.522.104	64.522.104
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

**c. Cổ tức**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 4 năm 2021, Công ty không chia cổ tức và trích lập quỹ năm 2020.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2021	2020
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	195.976.006.392	186.639.613.348
Doanh thu thi công, cung cấp và lắp đặt thiết bị	6.576.701.329	10.499.862.237
Doanh thu bán hàng hóa	126.118.006	153.741.752
<b>Cộng</b>	<b><u>202.678.825.727</u></b>	<b><u>197.293.217.337</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	2021	2020
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	213.739.753.743	205.963.022.584
Giá vốn hoạt động thi công, cung cấp và lắp đặt thiết bị	4.491.066.839	10.002.607.759
Giá vốn bán hàng hóa	79.514.014	84.799.789
<b>Cộng</b>	<b><u>218.310.334.596</u></b>	<b><u>216.050.430.132</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2021	2020
	VND	VND
Cổ tức được chia	76.080.508.000	54.622.280.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.214.431.885	1.657.279.773
Lãi chiết khấu thanh toán	429.557.641	389.331.606
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	-	14.120.567.883
Lãi chậm thanh toán	159.988.365	6.242.334.894
<b>Cộng</b>	<b>77.884.485.891</b>	<b>77.031.794.156</b>

*Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp	67.080.000.000	46.440.000.000
Công ty CII	159.988.365	6.242.334.894
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	-	377.718.611
<b>Cộng</b>	<b>67.239.988.365</b>	<b>53.060.053.505</b>

**4. Chi phí tài chính**

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	86.293.814.487	95.610.776.740
Chi phí phát hành trái phiếu	759.300.005	759.300.000
Chi phí tài chính khác	23.577.413	134.080.415
<b>Cộng</b>	<b>87.076.691.905</b>	<b>96.504.157.155</b>

*Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan*

Công ty CII	28.158.979.541	11.905.561.643
Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp	-	172.000.000
<b>Cộng</b>	<b>28.158.979.541</b>	<b>12.077.561.643</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	12.843.231.202	13.084.191.633
Chi phí khấu hao tài sản cố định	514.351.424	505.393.092
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	852.245.787	734.486.241
<b>Cộng</b>	<b>14.209.828.413</b>	<b>14.324.070.966</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	17.471.556.053	19.586.805.231
Lợi thế thương mại phân bổ trong năm	6.021.750.648	6.021.750.653
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	8.283.915.709	29.283.908.816
Chi phí đồ dùng văn phòng	65.249.048	51.863.530
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.522.937.778	1.660.568.278
Tiền thuê đất, thuế, phí và lệ phí	53.277.634	52.708.024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.764.525.498	2.063.972.331
Các khoản chi phí khác	2.017.239.243	5.885.843.823
<b>Cộng</b>	<b>39.200.451.611</b>	<b>64.607.420.686</b>

**7. Thu nhập khác**

	2021	2020
	VND	VND
Các khoản hỗ trợ di dời đường ống cấp nước	2.362.690.909	9.121.260.850
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại	464.141.594	1.401.975.180
Các khoản thu nhập khác	9.188.410	13.932.094
<b>Cộng</b>	<b>2.836.020.913</b>	<b>10.537.168.124</b>

**8. Chi phí khác**

	2021	2021
	VND	VND
Xử lý tài sản thiếu chờ xử lý	1.032.312.671	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính và phạt thuế	703.091.570	21.180.729
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	111.832.599
Các khoản chi phí khác	22.025	8.667.208
<b>Cộng</b>	<b>1.735.426.266</b>	<b>141.680.536</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2021		2020 - Trình bày lại	
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND
<b>(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(2.815.732.764)</b>	<b>(68.784.422.823)</b>	<b>(16.726.160.510)</b>	<b>(86.395.503.014)</b>
<b>Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>14.929.400.950</b>	<b>74.602.928.469</b>	<b>28.496.402.698</b>	<b>97.393.577.840</b>
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	-	<i>(78.834.508.000)</i>	-	<i>(54.622.280.000)</i>
<i>Lỗ/(lợi nhuận) từ công ty liên doanh, liên kết</i>	-	<i>(5.533.244.673)</i>	-	<i>(3.643.916.334)</i>
<i>Lợi thế thương mại phân bổ</i>	-	<i>6.021.750.648</i>	-	<i>6.021.750.653</i>
<i>Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị bù trừ khi hợp nhất</i>	<i>9.698.920.703</i>	<i>90.312.723.960</i>	<i>4.785.849.876</i>	<i>76.967.806.988</i>
<i>Lỗ/(lãi) chưa thực hiện do điều chỉnh hợp nhất</i>	-	<i>(764.319.793)</i>	-	<i>(1.740.138.407)</i>
<i>Loại trừ lãi thoái vốn công ty con trên báo cáo hợp nhất</i>	-	-	-	<i>(624.567.883)</i>
<i>Hoàn nhập lãi thanh lý khoản đầu tư vào đơn vị khác</i>	-	-	-	<i>16.195.200.000</i>
<i>Hoàn nhập chi phí phát hành trái phiếu</i>	-	-	-	<i>(759.300.000)</i>
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	<i>5.230.480.247</i>	<i>63.400.526.327</i>	<i>23.710.552.822</i>	<i>59.599.022.823</i>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>12.113.668.186</b>	<b>5.818.505.646</b>	<b>11.770.242.188</b>	<b>10.998.074.826</b>
Lỗ tính thuế mang sang	-	-	-	-
<b>Tổng thu nhập tính thuế</b>	<b>12.113.668.186</b>	<b>5.818.505.646</b>	<b>11.770.242.188</b>	<b>10.998.074.826</b>
<b>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				
Thuế suất thuế thông thường	-	20%	-	20%
Thuế suất ưu đãi từ dự án đầu tư (i)	10%	-	10%	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.211.366.819	1.163.701.129	1.177.024.219	2.199.614.964
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(605.683.410)	-	(588.512.110)	-
Thuế được miễn giảm theo NĐ 114/2020	-	-	(176.553.633)	(659.884.489)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp theo NĐ 132/2020	-	-	(33.235.656)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu	-	662.957.260	-	16.261.048
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>605.683.409</b>	<b>1.826.658.389</b>	<b>378.722.820</b>	<b>1.555.991.523</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.432.341.798</b>	<b>2.432.341.798</b>	<b>1.934.714.343</b>	<b>1.934.714.343</b>

(i) Hoạt động kinh doanh nước sạch của Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành, cụ thể: Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm, miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chịu thuế suất 20%.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành** (tiếp theo)

Công ty đã phân loại lại lợi nhuận trước thuế của hoạt động không được ưu đãi thuế và hoạt động ưu đãi thuế năm 2020. Việc phân loại này không làm thay đổi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2020 của Công ty.

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2021	2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	(73.497.729.005)	(104.595.444.536)
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>(73.497.729.005)</b>	<b>(104.595.444.536)</b>
Cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	64.522.104	64.518.180
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.139)</b>	<b>(1.621)</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 4 bộ phận như sau: hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch, hoạt động bán hàng hóa (bán vật tư, thiết bị ngành nước), hoạt động thi công công trình, hoạt động tư vấn liên quan đến ngành nước và các dịch vụ khác. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động xử lý nước và cung cấp nước sạch: sản xuất nước sạch và bán sỉ, lẻ cho các hộ dân, khu công nghiệp;
- Hoạt động bán hàng hóa: thực hiện việc bán vật tư, thiết bị ngành nước kèm theo dịch vụ lắp đặt, sửa chữa và bảo hành;
- Hoạt động thi công, lắp đặt thiết bị: thi công, lắp đặt thiết bị nhà máy nước;
- Hoạt động tư vấn liên quan đến ngành nước và các dịch vụ khác: tư vấn giám sát và quản lý thi công xây dựng và lắp đặt nhà máy nước sạch, tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch; lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng đường ống, đồng hồ nước cho người dân, ....

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**1. Báo cáo bộ phận** (tiếp theo)**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Chi tiêu	Kinh doanh nước sạch VND	Bán hàng hóa VND	Thi công, lắp đặt thiết bị VND	Tư vấn và doanh thu khác VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
<b>Doanh thu</b>						
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	195.976.006.392	126.118.006	6.576.701.329	-	-	202.678.825.727
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	10.899.149.464	-	-	-	(10.899.149.464)	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>206.875.155.856</b>	<b>126.118.006</b>	<b>6.576.701.329</b>	<b>-</b>	<b>(10.899.149.464)</b>	<b>202.678.825.727</b>
<b>Giá vốn</b>						
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	213.739.753.743	79.514.014	4.491.066.839	-	-	218.310.334.596
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	12.126.215.787	-	-	-	(12.126.215.787)	-
<b>Tổng chi phí</b>	<b>225.865.969.530</b>	<b>79.514.014</b>	<b>4.491.066.839</b>	<b>-</b>	<b>(12.126.215.787)</b>	<b>218.310.334.596</b>
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>(18.990.813.674)</b>	<b>46.603.992</b>	<b>2.085.634.490</b>	<b>-</b>	<b>1.227.066.323</b>	<b>(15.631.508.869)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính						77.884.485.891
Chi phí tài chính						87.076.691.905
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết						5.533.244.673
Chi phí bán hàng						14.209.828.413
Chi phí quản lý doanh nghiệp						39.200.451.611
<b>Lỗ thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>						<b>(72.700.750.234)</b>
Thu nhập khác						2.836.020.913
Chi phí khác						1.735.426.266
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						2.432.341.798
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						4.154.930.790
<b>Tổng lỗ sau thuế</b>						<b>(78.187.428.175)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**1. Báo cáo bộ phận** (tiếp theo)**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Chỉ tiêu	Kinh doanh nước sạch VND	Bán hàng hóa VND	Thi công, lắp đặt thiết bị VND	Tư vấn và doanh thu khác VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
<b>Doanh thu</b>						
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	186.639.613.348	153.741.752	10.499.862.237	-	-	197.293.217.337
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	10.890.826.800	2.650.190	-	60.000.000	(10.953.476.990)	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>197.530.440.148</b>	<b>156.391.942</b>	<b>10.499.862.237</b>	<b>60.000.000</b>	<b>(10.953.476.990)</b>	<b>197.293.217.337</b>
<b>Giá vốn</b>						
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	205.963.022.584	84.799.789	9.925.086.925	77.520.834	-	216.050.430.132
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	12.169.415.994	2.650.190	-	77.520.834	(12.249.587.018)	-
<b>Tổng chi phí</b>	<b>218.132.438.578</b>	<b>87.449.979</b>	<b>9.925.086.925</b>	<b>155.041.668</b>	<b>(12.249.587.018)</b>	<b>216.050.430.132</b>
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>(20.601.998.430)</b>	<b>68.941.963</b>	<b>574.775.312</b>	<b>(95.041.668)</b>	<b>1.296.110.028</b>	<b>(18.757.212.795)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính						77.031.794.156
Chi phí tài chính						96.504.157.155
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết						3.643.916.334
Chi phí bán hàng						14.324.070.966
Chi phí quản lý doanh nghiệp						64.607.420.686
<b>Lỗ thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>						<b>(113.517.151.112)</b>
Thu nhập khác						10.537.168.124
Chi phí khác						141.680.536
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						1.934.714.343
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						5.960.633.883
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>						<b>(111.017.011.750)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý** (tiếp theo)**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Gia Lai và tỉnh Lâm Đồng. Bộ phận tư vấn và quản lý thi công xây dựng và lắp đặt nhà máy nước sạch, tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch và bộ phận thi công, lắp đặt thiết bị được đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh. Các hoạt động khác đều được thực hiện tại ba địa điểm kể trên. Dưới đây là phân tích tài sản và nợ phải trả, doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	Thành phố Hồ Chí Minh		Tỉnh Gia Lai		Tỉnh Lâm Đồng		Loại trừ nội bộ		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Bảng cân đối kế toán</b>										
<i>Tại ngày 31/12/2021</i>										
Tài sản ngắn hạn	136.201.556.069	31.144.925.418	20.763.473.155	(73.282.464.309)	114.827.490.333					
Tài sản dài hạn	1.744.833.894.284	288.523.354.607	100.528.259.195	111.795.346.530	2.245.680.854.616					
Nợ phải trả	940.876.035.901	136.218.862.926	6.704.893.412	(99.513.429.253)	984.286.362.986					
<i>Tại ngày 01/01/2021</i>										
Tài sản ngắn hạn	154.291.734.596	28.386.485.032	17.653.336.191	(70.024.023.574)	130.307.532.245					
Tài sản dài hạn	1.818.327.912.586	442.381.863.002	105.708.476.412	(40.108.909.543)	2.326.309.342.457					
Nợ phải trả	939.999.887.255	262.168.228.601	20.274.594.358	(223.256.421.565)	999.186.288.649					
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>										
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>										
Doanh thu thuần	92.624.546.686	64.052.732.062	56.900.696.443	(10.899.149.464)	202.678.825.727					
Giá vốn	135.048.899.033	54.482.405.258	40.979.129.769	(12.200.099.464)	218.310.334.596					
Lợi nhuận gộp	(42.424.352.347)	9.570.326.804	15.921.566.674	1.300.950.000	(15.631.508.869)					
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>										
Doanh thu thuần	83.940.933.999	67.823.654.298	56.482.106.030	(10.953.476.990)	197.293.217.337					
Giá vốn	130.249.577.585	59.466.424.262	38.493.675.786	(12.159.247.501)	216.050.430.132					
Lợi nhuận gộp	(46.308.643.586)	8.357.230.036	17.988.430.244	1.205.770.511	(18.757.212.795)					



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**2. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên doanh của tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Hương Trà	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	Công ty liên kết của tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Công ty trong cùng tập đoàn

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

	2021 VND	2020 VND
<b>Giao dịch với công ty mẹ</b>		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	170.400.000.000	185.300.000.000
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	3.373.608.150	5.000.000.000
Chuyển trả tiền lãi hỗ trợ vốn	20.667.391.850	-
<b>Giao dịch với Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp</b>		
Nhận tiền cổ tức	67.080.000.000	46.440.000.000
Trả tiền hỗ trợ vốn	-	25.800.000.000
<b>Giao dịch với Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê</b>		
Lãi hỗ trợ vốn nhập gốc	822.644.478	1.121.119.562

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**2. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan** (tiếp theo)

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Lương	3.708.363.491	4.300.700.000
Thưởng và các khoản thu nhập khác	170.000.000	903.576.500
<b>Cộng</b>	<b>3.878.363.491</b>	<b>5.204.276.500</b>

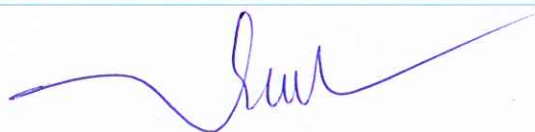
**3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/SGW-HĐQT-NQ ngày 20 tháng 1 năm 2022 đã thông qua phương án thoái vốn một phần tại Công ty Cổ Phần Cấp Nước Sài Gòn Pleiku (Công ty Pleiku).

Ngày 22 tháng 2 năm 2022, Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng 540.000 cổ phần (tương đương 6%) vốn góp của Công ty Pleiku. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Pleiku giảm còn 49%, đồng thời Công ty Pleiku không còn là công ty con của Công ty và trở thành công ty đầu tư liên doanh liên kết của Công ty từ ngày 22 tháng 2 năm 2022.

**4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.



**Phùng Thị Thẩm**  
Người lập biểu



**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Thành**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2022